Năm thứ hai — Số 52
Tuần - lễ từ thứ tư 24
đến thứ ba 30 Juin 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa báo 195, Phố Hàng Bông, - Hà-nội

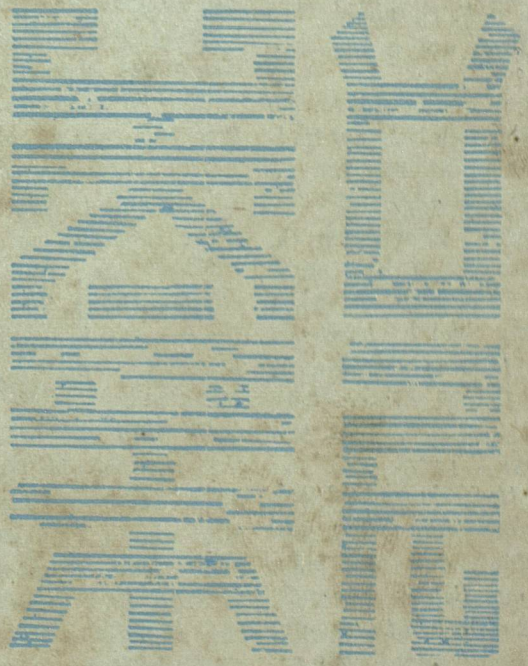

Trong số này :

Thể-tục làm thành tờ báo ở xứ ta — Tra nghĩa chữ nho (VI) — Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (XXIX) — Phê-bình « Triết-học Bergson » — Tùy hứng — Việt-nam văn-học sử (XXVIII) Nguyễn-văn-Nhân — Chung quanh vấn đề bài thơ « phỏng-đá » — Hiệp ước quân-sự Anh, Nga — Trác mai xum-họp (I) — Những ông nghè triều Lê (XXIV)

GIÁ BÁO

Mỗi số	1 năm	6p80
16 xu	6 tháng	3.80
	3 —	1.80

Công sở giá gấp đôi

THỦ-TUC LÀM THÀNH TỜ BÁO Ở XỨ TA

HOA-BẰNG

NGHỀ làm báo ở xứ ta mới xuất hiện được độ hơn 70 năm nay Bây giờ, nhật báo, tạp-chí, sớm đóng trống, tối khua chuông, đối mới tai mắt công chúng, tuy không phải là nghề mới lạ nữa ; song những thủ-tục làm thành tờ báo, ngoài một số ít nhà nghề ra, phần đông còn chưa được am tường cho lắm.

Trong khi tiếp đón một tờ báo đến tay, nhiều người có cái thái-độ khiến ta nhớ tới câu thơ cổ mà tôi dịch nghĩa đây :

Kia bao những khách lượt-là,
Phải đâu tay đã trải qua chăn tằm !

Phải, những khách thướt-tha quần là áo lượt phải đâu là những người lam-lũ, cần-cù, thức khuya, dậy sớm, chăn tằm với bao nhọc-nhằn vất-vả !

Nay nhân từ 20 Juin 1942 trở đi, các báo hằng ngày ở đây đều ra 2 trang, đánh dấu một biến thiên lớn trong lịch-sử báo-giới Nam-việt. tôi tưởng nên thuật qua thủ-tục làm thành một tờ báo ra đây để hiến những « khách lượt-là » biết sơ câu chuyện « chăn tằm ».

⁂

Về việc làm báo ở xứ ta, trước có đạo luật ngày 29 Juillet 1881, sau lại có đạo nghị-định ngày 4 Octobre 1927. Từ đó tờ báo nào muốn được khai-sinh cũng phải chịu chung một chế-độ ấy.

Sau khi đã được phép ra một tờ báo rồi, vấn-đề cần nhất, ai cũng biết, là tài-chính.

Qua được cái cầu « chạy tiền », người ta phải nghĩ ngay đến việc tối quan-trọng là tổ chức tòa soạn, bộ máy chế-tạo ra thứ sản-phẩm tinh-thần, tức là bài vở đó.

Bắt tay vào việc : một mặt cổ-động cho người ta chú ý đến tờ báo mình sắp ra, một mặt soạn bài-vở giao nhà in ấn-loát.

Công việc tòa soạn ở các báo bên ta đại khái như sau này :

Một bộ biên-tập thường chia việc tùy theo sở-năng của từng người ; nho-học có, tây-học có, nhưng phải là những cây bút viết được quốc-văn cả.

Nhật - báo : Nếu thể - tài chỉ chuyên thông tin thì nội dung thường loanh-quanh trong những mục này : Tin thế-giới và tin trong nước.

Để giúp cho độc-giả biết sơ thời-cục thế-giới, các báo hằng ngày trước giờ thường có những mục như « Thế-giới hôm nay » hoặc « bàn cờ quốc-tế », trong đó tóm-tắt những tin quan-trọng hoặc về nội-chính, hoặc về ngoại-giao, hoặc về kinh-tế, hoặc về quân-sự, chiến-tranh, đã xảy ra trên trường quốc-tế hằng ngày, rồi viết thành bài tổng hợp cho người đọc tiện bề nhận biết đại khái.

Tài liệu để viết những bài ấy, người ta thường lấy ở những nguồn như thông-tấn xã Arip, thông-tấn xã Domei, hay là các báo tây, các báo tàu hoặc vô tuyến truyền thanh (radio) chẳng hạn.

Có việc rất phiền-tỏa mà rất nặng mình là cái mảng tin trong nước. Mảng này chia làm hai mục : thời-sự Hà-nội (nói riêng về báo Bắc-kỳ) và thời-sự các tỉnh. Việc này đã chẳng mang lại cho người giữ nó một hứng-thú gì, mà trái lại, lắm khi chỉ gặp những trường-hợp rầy rà khó xử. Nếu không thận trọng một chút thì dễ xảy ra « tai nạn » cho nhà báo : bị kiện là thường ! Bởi chưng có khi vì lòng ghen-ghét hay vì mục-đích làm tiền, ở ngoài — hoặc phóng - viên các địa-phương nữa — gửi đến những bài thời-sự có tính cách phỉ báng người ta.

Những bài muốn lôi ra ánh sáng những hành-động hà-lạm, bất công hoặc dã man của người khác nhưng chưa đủ chứng-cớ hoặc chưa thành án, nếu vội đăng ngay cũng là một dịp dễ đưa nhà báo đến vòng kiện-tụng.

Nhiều tờ báo ta xưa nay đã gặp những trường hợp bị kiện như thế không phải là ít.

Chẳng những vậy, ở ngoài, lắm khi vì cạnh-tranh không chính-đáng, vì hiếu sự nghịch tính, người ta hay gửi đến những « tin vịt » cho nhà báo. Nếu người giữ mục tin tức sơ ý một chút, dễ mắc hợm ngay !

Ngoài mục tin tức, tờ báo nào cũng phải lo ra mắt độc-giả món tiểu thuyết hoặc viết hoặc dịch nữa.

Mục tiểu thuyết này tuy tầm thường nhưng rất có ảnh hưởng đến tờ báo. Trước đây có một vài tờ tuần-báo vì viết được những thiên tiểu thuyết hay, nên đã hấp

dẫn được nhiều « khách hàng ».

Nhật báo bấy nay phần nhiều chỉ dịch tiểu thuyết, nhất là tiểu thuyết tàu cổ, chứ ít khi sáng tác, một vì ngày nào cũng phải « xài » đến món ăn ấy, thì-giờ gấp rút, sợ « chế tạo » không đủ cung cho sự cần dùng; hai vì người giữ mục « tiểu thuyết » ở báo hằng ngày thường phải làm sam nhiều việc khác, không phải là những cây bút tiểu thuyết chuyên môn.

Hơn 15 năm về trước, các báo hằng ngày ở đây mỗi kỳ có một bài xã thuyết Nhà báo nào cũng phải dành mục ấy cho những cây bút cứng.

Dần dần về sau, người ta chấn chỉnh những tờ nhật báo lại, bắt chúng nó phải chú trọng về tin tức hơn về nghị luận. Dẫu vậy, nhiều tờ hằng ngày bây giờ lại kiêm cả những mục có tính cách chuyên môn như chiến tranh, văn chương, phụ nữ, nhi đồng, khoa học và sử học nữa. Nhưng từ 20 Juin này trở đi, vì phải hạn chế giấy, các nhật báo quốc văn chỉ được ra hai trang thôi, như thế các bạn hằng ngày tất phải rút hẹp phạm - vi, khó lòng nói nhiều như trước được nữa.

∴

Tuần san, bán-nguyệt-san, hoặc nguyệt-san chia làm hai hạng : Thông-tục và chuyên-môn.

Thông tục là loại « chấp chi nhặt - nhạnh» nhét món gì vào cũng được, miễn đáp được tiếng đòi gọi của độc-giả thì thôi.

Còn loại chuyên-môn, là những tạp-chí đi riêng từng đường chuyên khoa như sử-học, văn-học, khoa-học, chính-trị, kinh-tế, pháp-luật, v.v. Loại này chỉ hợp với một số độc-giả lựa chọn, vì ai thích món nào thì mới chuốc đến những tờ chuyên môn về món ấy.

Mỗi bộ biên-tập thường có một viên tổng biên tập hoặc tổng-thư-ký Tòa-soạn đứng trông-nom hết các bài-vở.

Viên tổng biên-tập ấy có trách nhậm rất nặng-nề : giữ cho tờ báo khỏi đi lạc tôn-chỉ, gây lấy cái tinh-thần nhất trí trong một tờ báo, đừng để mỗi cây bút trong tòa soạn lôi kéo đi một đằng.

Mỗi một kỳ báo, viên tổng biên-tập phải lo soạn bài, sửa bài, xếp đặt bài vở.

Ngoài bài mình phải viết vào những mục cần có trong một kỳ, viên ấy còn phải kiểm-điểm những bài của nhân-viên tòa soạn, phải đọc những bài lai cảo.

Trừ những trường - hợp đặc-biệt có thể đăng nguyên-văn để tỏ ý tôn-trọng cái cá-tính của người viết ra không kể, viên ấy phải cẩn-thận xét kỹ hết thảy mọi bài. Cần phải sửa lại những chỗ nếu thấy có phạm đến chính-trị, đến tôn-giáo (vì theo chế độ làm báo ở xứ ta), hay đi sai-trật con đường đã vạch hoặc mâu-thuẫn với những tín-điều của tờ báo mình đương chủ-trương. Ấy là chưa kể những chỗ phải sửa vì văn pháp, vì tu từ hoặc vì nhiều cớ khác.

Thường thường, viên ấy phải để ý cả đến lối tiêu điểm trong bài, cách viết vần quốc ngữ và những chỗ nên xuống giòng.

Lắm bài, vì tác giả cẩu-thả trong cách chấm câu, cách viết quốc-ngữ, cách hành văn, bổn-phận lại buộc viên ấy phải thay tác-giả mà lấp những chỗ trống ấy.

Sau khi lựa được bài đăng báo rồi, viên ấy phải xem chỗ nào nên in thứ chữ nào thì lấy bút đánh dấu ở bên cho thợ in cứ theo đó mà xếp chữ Tùy bài, tùy chỗ mà nên xếp chữ chẳng hạn như romain, latin noir, hay italique. Trong những thứ chữ này lại có từng «thân» (corps) lớn nhỏ khác nhau Các bài vở thường xếp thứ chữ lớn nhất là corps 10 nhỏ nhất là corps 6. Ấy là chưa kể những đầu đề phải làm bằng những thứ chữ lớn từ corps 18 đến 36 không chừng. Nhưng tiếc rằng nhà in ở ta, nhất là trong thời - kỳ chiến-tranh này, không có nhiều lối chữ để đặt đầu đề hoặc để xếp bài, nên lắm khi không làm được theo như ý muốn. Nói ngay như cái nạn thiếu những dấu ngoặc đơn (parenthèses), làm cho câu văn nhiều khi thành ra ngớ - ngẩn hoặc nguy hiểm hơn, là vô-nghĩa nữa. Đã lâm đến cảnh thiếu đồ cần dùng như thế, còn nói gì đến phương-tiện mỹ-thuật về ấn loát được nữa !

Sửa bản in thử (épreuves) cũng là một việc mất nhiều thì-giờ của tòa soạn mà không có một đền-bù gì xứng đáng. Lại vì nhà in làm việc cẩu thả, nên mỗi bài thường sửa đến hai ba lần mà vẫn hãy còn phốt : đó vì khi xếp chữ để phốt nhiều quá, đến lúc sửa bản in thử, thày cò kéo phốt ra đỏ ngòm cả một trang giấy, làm cho ông «sếp-com-pô» loạn cả mắt lên ! Rồi lắm khi nhà in lại cầm chữ nọ cho ra chữ kia, hoặc vì đăng trí hay lười biếng mà không sửa hết phốt.

Ngoài những cớ ấy, có lúc lại vì máy in không tốt mà xui nên : hoặc đang in, máy bỗng xô đi làm cho nghiêng hẳn bát chữ, hoặc nghiến gẫy hết cả lượt dấu, làm cho độc giả phải mệt trí suy đoán mới đọc xuôi được những trang báo «rủi-ro» ấy.

Gián-hoặc có khi thợ máy không chịu chải kỹ bát chữ cho thật sạch hay không dán kỹ cho chữ lên hết, hay cầm liều những chữ ở hàng dia khi bị nghiêng đổ rơi tụt, đó cũng là những cớ làm cho tờ báo nhiều phốt.

Nếu xét cho những nỗi khổ tâm ấy, chắc các bạn đọc thân yêu cũng vui lòng lượng thứ cho những lỗi đã xảy trên báo như thế Dầu sao, nhà báo cố nhiên là vẫn phải chịu trách nhiệm với bạn đọc về những lỗi ấy.

Trong thời-kỳ thợ in mới xếp

thành từng bài hay từng cột báo một, tòa soạn phải liệu đặt các bài vở cho thành trang. Có điều rất khó xử là những khi bài thừa một mẩu ngắn không vừa chỗ đặt hay làm cho mất vẻ mỹ - quan về mặt ấn-loát, tòa soạn buộc phải cắm «kéo» mà liệu cắt bớt đi cho vừa.

Sau khi đặt thành những trang báo rồi, nhà in phải đưa ba bản «mo rát» (morasses) ra ty Kiểm duyệt.

. . . . . .

Tòa soạn, ngoài những công việc phải làm như thế, còn phải tiếp khách đến bàn luận về văn chương hoặc họp bạn để trao đổi ý - kiến, còn phải thư từ giao thiệp với các bạn cộng tác ở gần xa, còn phải giải đáp những câu hỏi của bạn đọc hoặc bằng thư riêng hoặc bằng thư ngỏ.

Có lắm việc rất phức tạp mà người ngoài không thể tưởng tượng được, chẳng hạn như muốn phỏng vấn một nhân - vật nào, lắm khi phải mất bao nhiêu thì-giờ mới hỏi ra được một cái địa chỉ, ấy là chưa kể những lần đi không được gặp, hay là viết thư xin hội kiến mà không được tiếp !

Lại có những việc bất kỳ xảy ra trong một trường-hợp rất đặc biệt và thì giờ rất gấp rút, như có một nhân-vật trong văn-giới, học-giới, báo-giới hay nghệ-thuật-giới nào đó thình-lình qua đời, nếu là tờ báo có tính cách văn-hóa, lẽ tất nhiên phải có bài ai-thuật về sự-nghiệp của người quá-cố ấy. Muốn cho sốt dẻo hợp thời, tòa soạn có khi chỉ trong một buổi tối, phải tìm kiếm cho đủ tài-liệu để viết bài về nhân-vật đó. Ngay nhất là quê quán và ngày sinh tháng đẻ của người mới chết hay người được làm kỷ-niệm mấy chu niên kia lại là cái «bí-ẩn» mà tòa soạn chưa « khám phá » được ! Làm thế nào bây giờ ? Tất nhiên phải thân đi lùng hỏi hoặc viết thư dò hỏi những người có liên-lạc đến vong-giả ấy. Khốn nỗi nhiều lần chỉ mua được những điều thất-vọng : một là người ta cũng thật không biết, hai là người ta không buồn trả lời, ba là người ta chùng chình trì-hoãn, chứ nào có biết đâu cho mình đang bị nhà in thúc bài vì khuôn cuối-cùng chỉ còn chờ đợi có một bài ấy !

Ngoài ra, những công việc khảo cứu : chỉ một tên người, một niên hiệu cũng đủ làm cho người viết bài phải tốn bao nhiêu công phu ngày giờ.

Ở những tòa soạn có nhiều người, anh mang, nàng xách, đông tây, mây sao, thì còn đỡ bận ; chứ như những báo chỉ có một hai người hoạt-động thì lắm khi nghĩ cũng thương tâm cho nghề cầm bút !

∴

Sau khi biết sơ công việc của tòa soạn (rédaction), chắc nhiều bạn muốn hỏi : thế còn ty chủ-sự (direction) và ty trị-sự (administration) làm gì ?

Viên chủ-nhiệm ở ty chủ-sự có bổn-phận phải riêng chịu lỗ lãi một tờ báo nếu là tờ báo của một mình bỏ tiền ra làm ; phải chọn người tổng biên-tập, tức chủ-bút, mà giao-phó cho việc tổ-chức tòa soạn ;

Đứng đầu ty trị-sự, có viên quản-lý. Viên này giữ về kinh-tế và trông coi về việc phát hành cùng gửi báo.

Mỗi kỳ báo ra, viên này phải ký tên vào những số báo đưa trình Tòa, tỏ ra mình chịu trách nhậm đối với luật-pháp những cái chi đã in ở trong kỳ báo này.

Một bài báo nói về chính-trị mà tác-giả nó giấu tên, nếu bị truy-tố, thì trước pháp-luật, tòa án chỉ có thể buộc tội viên chủ-nhậm và viên quản-lý, chứ tác-giả bài ấy quyết không can gì. Nhưng nếu hai viên này không đủ can đảm nhận lấy mà khai xưng cả tên người viết bài thì tất nhiên cả ba đều phải liên-đới trách-nhậm vì một bài ấy.

Từ công việc lấy quảng-cáo đến mua giấy hay thuê in đều là phạm vi việc làm của ty trị-sự. Ngoài ra còn những việc như làm sổ-sách, tính tiền nong nữa. Đó là những công việc cũng giống các nhà buôn khác.

∴

Báo giới bên Pháp, trước hồi Âu-chiến hiện thời, đã đi đến một bước rất thịnh đạt :

Mỗi ngày in đến 10 700 000 số báo, phải dùng đến 950 tấn giấy. Làm vào nghề báo có tới 20 120 thầy, thợ, trong đó có 4 038 biên-tập-viên.

Ở ta, ngót một thế - kỷ nay, nghề báo hãy còn lẹt-đẹt chậm tiến, là vì có nhiều nguyên nhân, nhưng có một cớ dễ nói là vì nước mình nghèo quá !

Nay muốn cho báo-giới ta thêm phần phát-đạt ? Tôi tưởng, ngoài sự nỗ-lực của nhà báo, còn phải trông ở sức cộng-tác của các bạn đọc. Nếu ai cũng nghĩ cố sức nuôi sống cho tờ báo đáng đọc, hết lòng khuyến-khích nó, ủng-hộ nó, cổ động cho nó, để cho việc đọc báo chí dần thành thói quen trong các gia đình, thì các báo ta mới mong thoát khỏi chứng sài « kinh tế », rồi mới có hi vọng tấn tới bằng bảo ngoại quốc được.

Trong khi « chăn tằm », chúng tôi phải lớn tiếng kêu gọi tấm lòng nhiệt thành của đám khách « ỷ la » : xin giúp chúng tôi được dễ dàng trong việc « nuôi tằm », một sinh sản lực chế tạo ra hàng tơ hàng tấm tinh thần đó !

HOA-BẰNG

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 6

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

V. — Chữ D.

Ở trang 67, quyển *Tầm nguyên từ-điển* của ông Lê văn-Hòe, dưới chữ *giấm chua lửa nồng* và chữ *hỏa khanh*, nên cắt nghĩa *hỏa khanh* là «nơi rất khốn-khổ» (cực khốn-khổ chi cảnh vi *hỏa khanh*: chữ *Tử-nguyên*) và chữa câu «Giấm chua lại tội bằng ba lửa lồng» làm «Giấm chua lại tội bằng ba lửa *nồng* ».

Ở trang 68, in nhầm chữ nho dưới chữ *di-luân* (luân-thường): nhiều người cũng nhầm như ông Lê văn-Hòe, viết chữ *phấn* ở giữa; chính ra là một bên chữ *mễ*, một bên chữ *hệ*.

Chữ *hồ* dưới chữ *hồ nghi* ở trang 69 cũng viết sai phải chữa: *khuyển* bên chữ *qua*, chứ không phải *khuyển* bên chữ Hồ (*cổ nguyệt*). Còn chữ *do-dự*, ông Lê văn-Hòe giảng như thế này: «Người Tàu tương truyền rằng *do* và *dự* là hai giống thú, khi đi đứng, lúc tới lui, bao giờ cũng e dè sợ-sệt, như ngờ-vực, như đoán trước một sự nguy-hiểm gì sắp xảy ra cho mình. Cho nên người ta đã lấy tên hai giống thú đó làm một hình-dung-từ trỏ thái-độ của người hay ngờ-ngại, không quả-quyết, có ý so-sánh thái-độ người ấy với thái-độ con *do* và con *dự*.» Có thật có cả con do và con dự không? Quyển *Tử-nguyên* chua nghĩa chữ *dự* là «do dự tịnh xưng» nghĩa là đi đôi với chữ *do*: con do thì có thể gọi thẳng là con thú do, hình giống như con hoẵng lớn (chữ nho gọi là kỷ, chữ Pháp gọi là *daim de grande espèce*, theo quyển *Petit Dictionaire chinoise français* của ông F O.S. Couvreur, trang 718) phàm việc gì không quyết định, người ta gọi là do-dự, chính nghĩa là con do nó dự, chứ không phải là con do con dự (bởi nghĩa *do dự tịnh xưng*).

Ở trang 71, nên chữa chữ *liễu* theo bộ *tiết*; viết theo bộ *ấp* thì sai.

V. — Chữ Đ.

Ở trang 73, ông Lê văn-Hòe nói chữ *đài* «có nghĩa là dinh thự các quan đại-thần như Thượng-thư đài (Trung-đài), là Ngự-sử-đài (hiến-đài) Tự vị *Khang-hi* chữa chữ *đài* tên quan (*quan-danh*) và dẫn ba chức quan nhà Hán theo truyện Viên-thiệu như sau này: thượng thư là trung-đài, ngự-sử là hiến đài, yết-giả là ngoại đài. Chữ *đài* còn là tên gọi người hèn (tiện-giả chi xưng) cả người sang nữa (xem dưới kia): sách *Tả-truyện* có chữ «bộc-thần-đài», nghĩa là «bọn đầy tớ rất thấp» (bộc-lệ chi trí-tì). Đời xưa lăng mộ cũng gọi là đài; sách *Sơn hải kinh* chép đài Đế Nghiêu, đài Đế cốc. Chỗ đắp đất cao và vững trông ra bốn phương cũng gọi là đài: thiên-tử có ba đài: linh-đài để xem thiên-văn, thời-đài để xem bốn mùa, phố-đài để xem điềm thú Đài còn nghĩa là lũy đất ở trên cửa thành: lại còn nghĩa là điện: sách *Tam-phụ-hoàng-đồ* chép «Vị ương hữu Khúc-đài điện» (cung Vị-ương có điện Khúc-đài) v. v. Đến đây là theo tự vị Khang-hi. Còn *Tử-nguyên* thì chua rằng: phàm chỗ đất hơi cao người ta có thể trông suốt được cũng gọi là đài, như giảng-đài, diễn thuyết-đài. Đài cũng là lời tôn xưng, như thuộc-lại gọi quan trên là hiến-đài, bè bạn gọi nhau là huynh-đài. Còn *đài-các* thì gọi quan thượng-thư: *Hậu-Hán thư* chép «Đời Quang-

Sách khảo cứu

Truyện đức Khổng-tử — Thuật trọn đời hy-sanh và tận tụy về phong-hóa, đạo-nghĩa của đức thánh Khổng. Ngài là một mảnh gương học hỏi, cường quyết, thanh bạch. Trọn bộ 1 quyển: 1p.00

Mấy thầy tu huyền bí — Ở Tây-tạng và Mông-cổ. Biên những cách luyện đạo của các nhà tu trì nơi non cao đồng vắng, những phép huyền linh cực hạng người thắng phục thân tâm.

Trọn bộ 1 quyển: 1p 10

Gửi mandat thêm cước phí 0p.55

M. Đoàn-Trung

143 Rue Louvain Saigon

Ô mài **Tiến Lợi** *ngon lành*
Và lơ **Tiến Lợi** *nổi danh ở đời*
Bốn trăm linh bảy Bạch-mai. Hỏi thăm cho đến tận nơi mua dùng

Vũ việc trị nước không giao cho kẻ dưới, tuy đặt chức tam-công việc vẫn về đài-các» : đài thượng thư vâng mệnh vua ban chiếu chỉ thực có quyền tể phụ ; đời sau gọi Các-thần là đài các. gốc từ đấy (*Từ-nguyên*, quyển mùi, trang 189). Tiếng Nam ta dùng chữ đài-các vào nghĩa quan cách quyền-quí, như câu «Ra vào đài-các thảnh-thơi» trong truyện *Cúc-hoa*.

Ở trang 74 dưới chữ *đan-trì* (thềm cung-điện sơn son), ông Lê văn-Hòe viết nhầm chữ *đan*; phải chấm giữa ở trên nét ngang chứ không phải sổ xuống.

Cũng ở trang 74, chữ *đàn* là trường tế, phải viết *thổ* bên chữ nếu viết *mộc* bên chữ *đản* như ông Lê văn-Hòe, thì là tên một thứ cây quí : *Bản-thảo* chép cây tử-đàn, bạch-đàn (thấy dẫn trong tự-vị *Khang-hy*) ; *Từ-nguyên* chép cây hoàng-đàn, bạch-đàn và một thứ gỗ đàn giống như đàn-hương, nhưng không có mùi thơm. Còn chữ đàn viết *thổ* bên, tự vị Khang-hi chua những nghĩa sau này : 1, chỗ đất đắp cao : kinh *Lễ* chép : «Phần sài vu Thái đàn, tế Thiên giả» (đốt củi ở Thái-đàn là tế Giời đó) ; — 2, nơi giữa sân, người nước Sở gọi là đàn ; — 3 nơi quốc-quân triều hội ; — 4 đàn lập để làm lễ minh-thệ, hoặc đặc cách phong chức tướng văn tướng võ ; — 5 kê-đàn là chỗ hội-họp bạn-hữu : *Bắc-hộ lục* chép «người Việt mỗi khi kết bạn thì làm đàn, tế dùng chó trắng gà đỏ» ; — 6 dao-đàn là cảnh tiên. Chữ *đàn* có một âm nữa là *thiện*, nghĩa là đất đồng (dã thổ giã), đất bỏ không (trừ địa giã)

Ở trang 75, dưới chữ *đào-nguyên*, nên chua nghĩa là nguồn suối phía trong rừng hoa đào : Đào-Tiềm đời Tấn có bài ký (*Đào-hoa-nguyên ký*, dịch dưới này), trong nơi người đánh cá ở Vũ-lăng vào rừng hoa đào gặp người đời Tần tránh loạn ở đấy, cho nên về sau gọi nơi tránh loạn là đào-nguyên ; khi người đánh cá đã trở về, muốn tìm đến lần nữa thì không thấy đường: vì thế còn gọi đào nguyên là nơi tiên-cảnh ; trong *Kiều* có câu : «Đào-nguyên lạc lối đâu mà tới đây ?» Bài *Đào-hoa - nguyên ký* của Đào-Tiềm, chép trong bộ *Thần viên lục chủng*, dịch ra như sau này : «Khoảng năm Thái-nguyên (376 396) đời Tấn, có một người ở quận Vũ-lăng làm nghề đánh cá, men khe suối đi kiếm cá, rồi lạc đường. Chợt gặp rừng hoa đào (đào hoa lâm), giáp bờ sông độ vài trăm bước : trong rừng không có thứ cây gì khác lẫn vào, chỉ có cỏ thơm tươi tốt. Người đánh cá lấy làm lạ, lại đi nữa và muốn đi hết rừng. Khi đi hết rừng thì đến một nguồn nước, rồi đến một ngọn núi : núi có một cửa hang nhỏ, thấp-thoáng như có ánh sáng. Bèn bỏ thuyền đi vào trong hang : mới vào, đường rất hẹp, chỉ vừa người đi. Đi được vài mươi bước, thấy trong rộng mông-mênh, đất rộng bằng-phẳng, nhà cửa đẹp đẽ, có ruộng tốt, có ao đẹp, lại có những thành tre ruộng dâu, đường thiên đường mạch thông nhau, tiếng gà tiếng chó xen lẫn. Những người đi lại, làm lụng ; quần áo đàn ông đàn bà hết thảy là một lối khác ; người tóc vàng, kẻ đề trái đào, đều hớn-hở vui-vẻ, không phải lo nghĩ gì hết. Thấy người đánh cá đến, lấy làm lạ, hỏi từ đâu đến ? Người đánh cá đáp lại rõ-ràng. Bèn mời về nhà giết gà, làm rượu thết. Người trong xóm nghe tiếng đều lại hỏi thăm, rồi tự kể rằng đời trước tránh loạn nhà Tần (246-207 trước kỷ-nguyên,) đem vợ con và người lang đến đây là nơi cùng-tột, chẳng muốn đi ra nữa, xa-cách bẵn với người đời. Hỏi nay là đời gì ? thì những người ấy không biết có nhà Hán, huống chi là Ngụy với Tấn. Người đánh cá lại nói rõ-ràng : người trong xóm nghe đều lấy làm ngạc nhiên. Mọi người mời đến nhà đặt rượu thết. Người đánh cá ở trong đó vài ngày, rồi cáo từ xin về. Người trong xóm dặn không nên nói cho người khác biết. Khi trở ra, lại thấy thuyền, bèn bơi trở về : chỗ này chỗ khác nhớ cả. Kịp về đến quận, vào hầu quan thái-thú, nói chuyện đầu đuôi. Quan thái-thú liền sai người theo đi tìm những đường trước đã nhớ, thì mê không thấy đường nữa. Lưu-tử-Ký là kẻ cao-sĩ đất Nam-dương, nghe chuyện, hớn-hở muốn đi ; nhưng chưa kịp đi thì bị bệnh chết. Sau không ai tìm đến bến ấy nữa (hậu toại vô vấn tân giả.) *Còn nữa*

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

LOẠI SÁCH
QUÊ-HƯƠNG
I
Trần Can
kèm thêm
(Lý Chiêu-Hoàng)
Vở kịch dài đầu tiên bằng thơ trong thi giới Việt-Nam.
Một thi phẩm tuyệt tác
của
PHAN KHẮC-KHOAN
Boite postale N. 32 Hué
người đầu tiên chuyên viết kịch bằng thơ theo sự tích của quê-hương đất nước.
Ở Bắc kỳ, gửi về cho hiệu sách Đông Tây 195 hàng Bông Hanoi. Giá sách 0p80 Cước 0p14

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ...

Số 29 Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

CIV

Văn tế chồng (1)

Than ôi ! sông mê muôn dải, bể thảm nghìn trùng, dễ biết được cơ trôi rạt, khôn bàn hết sự sâu nông ; ấy khắt-khe tượng bởi cơ giời, nửa tấc bụng bỗng nên chừng Sả Vị, hay chếch-lệch có vì mả tổ, nửa gang tay xui nên sự Hoài trung.

Bụt Sa-bà nào phúc ấy đề đâu? Sao khuya khoắt chẳng độ người oan-thác ? Quan Thủy-phủ có việc chi dưới ấy ? Bỗng vội-vàng mà lên ghế công-đồng ; thương vì điều luyện-tập một nghề dòng, trường cung-mã cũng đủ tài lặn lội, xót vì nỗi lăm-le ba đợt sóng, hội long-vân chưa cam chí vẫy-vùng.

Ngoài sáu tuần tuổi mẹ chưa dễ trôi hoa, đau đớn nhỉ trên tay rơi trái cậy, trải mười tháng phận con thôi đành tấm bấc, tội-nghiệp thay trước mặt quạnh nhà thông ; tơ-tóc chửa đền nghĩa giá trong, vì bởi thiếp phải bơ-vơ lỡ bước, giang-sơn để một người liễu yếu, gánh cho chàng thêm bận-bịu trong lòng.

Bát nước đầy mấy kiếp cùng nhau ? Công lâu-đận luống dẫ-chàng xe cát bể, đĩa dầu cạn một mai đến nỗi, tiếng nỉ-non như cò vạc lội bờ sông ; đến vì tủi phận hạt mưa, đất một hốc dốc lá gan như đồ, lại đoái hồ thân hòn bọt, ngã ba dòng tuôn nước mắt khôn đông.

Đứng đầu non trông ngăn-ngắt suối vàng, nửa đời ấy đã lỡ duyên làm vợ, ngồi trước án chuốc vơi vơi giọt trắng, một kiếp này cho vẹn đạo thờ chồng.

(Trích ở quyển *Lệ ngữ văn tập*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 166 tờ 12b).

CV

Con khóc cha.

Thương ôi ! Con có cha như nhà có nóc, bề rộng non cao, cây muốn lặng mà gió chẳng đừng, giời ôi đất hỡi ! nói chẳng hết nhời, kể sao xiết nỗi ! Nhớ cha xưa, tính rất hiền-lành, tư giời nông-nổi, nết-na một mực vui-hòa, giản-dị những đường ăn nói.

Hai-mươi năm theo nghề cung kiếm, đầu đội phấn vua, bảy mươi tuổi về chốn gia-hương, vai lên nhiêu hội. Đạo thương con thu-vén trong ngoài, lòng yêu con sớm trưa mong mỏi, cũng có lúc đi sương về nắng, coi cầy thăm cấy, gian-nan nào có quản công ; lại có khi gió mát giăng thanh, cuộc rượu chén chè, thong thả cũng phong-lưu theo thói, cửa nhà vui vẻ, cảnh nhàn chửa được mấy ngày, thang thuốc phụng thờ, cỗi thọ những mong trăm tuổi.

Vẫn tưởng giời che phật độ, đường hãy còn dài, nào ngờ cơn túng vận đen, ai làm nên nỗi, nhớ từ thủa mẹ đà khuất bóng, công cha còn hàn gắn một tay, đến bây giờ giời lại chẳng thương, lòng con luống ngổn-ngang trăm mối.

Đêm thu ngày hạ, ai thăm nom đắp lạnh quạt nồng ? Gối đất nằm sương, ai hầu-hạ ôm chăn ấp gối ? Đời bao giờ thấy mặt, một bước một xa, gió mưa như gợi đau lòng, khi khuya khi tối.

Tủi một lũ anh em đơn - tủng, biết rằng nương tựa cùng ai, tủi một đàn con cháu ngây-thơ, vẫn nghĩ kỳ-gi (2) nào vội. Tưởng nguồn cơn nghìn đẳng trăm cay, nghĩ tâm sự trăm đường nghìn nỗi.

Theo lệ hương-tục, dám đâu rằng công bao nghĩa đền, che mắt thế gian, gọi là có lưng rau đĩa muối. Thượng hưởng !

(Trích ở quyển *Quốc-âm thi văn tập*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 109, tờ 29 a).

CVI

Con tế cha.

Than ôi ! mưa sa ngàn tử-thảo, giọt cương-thường tuôn bể thảm lênh-láng, gió thổi dặm hồng-hoa, mây đỉnh hỗ đắp thành sầu chất ngất ; trên phúc-bồn dầu tự ý hẹp nòi, trong cốt khí biết bao giờ khuây-khuất ?

Nhớ thuở ký-sinh nơi trần-cảnh, nghĩ tôn đường mà nối dấu đao-khuê, tự ngày ích - trí chốn bồng môn, an tính-mệnh chỉ chăm bề y-dược ; dòng hạnh-nhân đành sáng nghiệp cơ-cừu, lòng hậu-phác dã vững nền âm-chất, bài bảo-mệnh ra tay độ thế, mái non đoài còn đậm khí trường-sinh, thuốc hoàn-đồng quyết chí điều nguyên, dải thành bắc đã lừng hơi khương-hoạt.

Quyết minh tổ nghĩa quân-thần, viễn chí nhiều phương mưu lược ; viên trị-khí ngát mùi quốc lão, chế hoàng-kỳ mà dẹp chúng

Thống-chế PÉTAIN đã nói:

« Bản - chức đương cố thu-thập hết các lực - lượng tốt đẹp mà Đại - Pháp xưa nay vẫn bảo-tồn, để cho nước nhà có thể tự-lực chống với cơn khủng-khoảng về tinh-thần và vật-chất, nó đương lay động đến cả nền tảng của văn-minh thế-giới. »

thiên-ma, bài trừ tà trọn mặt tướng-quân, đem tê-giác để ngự loài mộc-tặc ; lũ hài-nhi trinh-nữ cũng nhờ ơn, kẻ thương-nhĩ bạch dẫu còn mến đức.

Bỗng thấy sự đời tang-hải, sương in nhà ích-mẫu đầm-đìa, sui nên thì vận sâm-si, gió lọt trướng phù-dung hiu-hắt ; rượt khương-tam nhường chín khúc vò tơ, mộng hồ-điệp những năm canh lần-quất.

Nhà cần-kiệm lo phương hoạt mệnh, vững can trường chống-chọi lúc gieo-neo, thuở hàn vi tìm thế báo anh, ra tay thước vỗ về loài trứng nước ; lòng đại-phụ lại gây mưu yến-tử, dâu cầm-bào còn rèn tạp về sau, lũ đồng-nam dù nổi tiếng vi-y, lối cô-ngõa đã mở mang từ trước.

Đâu là chẳng giai tài tận quát, ních phè-phè túi vũ-dư-lương, ai đương khi hữu sự tắc hồ, mải sảng - sảng sừng văn-tê-giác ; những ước được tròn câu thiêm thọ, thù-thì qui-giáp hộ đền xuân, nào ngờ chưa chẵn chữ vi-kỳ, dan-díu tiên - đằng sông nước Nhược.

Chốn thiên-môn đà lọt cõi trần hoàn, ngày bán hạ hãy đương tuần viêm nhiệt ; hay thủy phủ có người lên đậu hiềm, trò long đình chen hạc tất vào xem, hay thiên tào cho sứ rước lương-y, vâng phượng-chiếu giục ma-uê thẳng bước.

Lối sơn-xuyên lộ cách biết đâu chừng, nỗi phụ-tử tình thâm khôn kể xiết ; trước đã gặp hồi xao-xác, nghĩ thù ân chưa cam toại niềm đơn, nay càng cảm nỗi khúc nhôi, cũng tòng tục dám nhân trần lễ bạc ; ba tuần bạch-tửu khuyên mời, một nén trầm-hương ngào-ngạt.

(Trích ở quyển *Lệ ngự văn tập*, sách viết bằng chữ nôm của trường Bác-cổ, số A B 166, tờ 13b-14b).

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ
biên tập

---

1) Ba bài văn tế đăng kỳ này chưa có ai in ra quốc-ngữ. Bài thứ nhất (CIV) đề là *Thê tế phu văn (do bình sinh tập võ sự, tòng nhung nịch thủy)*, nghĩa là Văn vợ tế chồng (người chồng bình-sinh tập nghề võ, đi lính chết đuối). Bài thứ hai (CV) đề là *Tử khấp phụ văn* (Văn con khóc cha). Bài thứ ba (CVI) đề là *Tử tế phụ văn (do g gia sư)*, nghĩa là Văn con tế cha (nhà thày thuốc).

2) Bản nôm của Trường Bác-cổ viết sai và thiếu. Chỗ này các nhà nho đọc là *kỳ-gi* nghĩa là một tram tuổi, nhưng có lẽ chưa đúng. Còn những đoạn thiếu, tôi đã có ý đi tìm, nhưng chưa tìm được bản nào đủ.

TUẦN LỄ TRIỂN LÃM

BÁO - SÁCH

VÀ ẢNH CÁC VĂN NHÂN THI-NHÂN VIỆT-NAM

TẠI NHÀ SÁCH NGUYỄN KHÁNH-ĐÀM

12, Phố Sabourain — SAIGON

TỪ 11 JUILLET ĐẾN 18 JUILLET 1942

— *Những tờ báo tiên phong in bằng quốc-văn ở xứ mình*
— *Những Sách, Báo, Tạp - chí xưa và nay.*
— *Những Sách, Báo xưa rất quý mà hiện nay tìm không thể có*
— *Những loại sách đẹp, in bằng giấy đặc biệt không có bán*

MỘT TUẦN LỄ TRIỂN LÃM CÓ TÍNH CÁCH BIỂU DIỄN TRÌNH ĐỘ VĂN-CHƯƠNG VÀ BÁO CHÍ

Một công trình gom góp trong nhiều năm. Bày trong một tuần lễ. Sẽ làm vừa lòng các bạn yêu văn chương mãi mãi.

Từ 11 đến 12 juillet = để riêng cho các bạn nhà báo nhà văn
Từ 13 — 18 — = cho các bạn yêu Sách Báo

Nên mua Sách Báo ở chi nhánh của nhà sách Nguyễn khánh-Đàm « Quán Sách Autobus » góc đường Espagne và Schrseder.

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 25 Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

KHOA qui-mùi, năm Quang-thuận thứ tư (1463), đỗ đệ tam giáp đồng-tiến-s xuất-thân hai-mươi-sáu người

1. — Nguyễn-đình-Khôi, người xã Bồng-lai, huyện Quế-dương, phủ Từ-sơn. Đỗ năm hai-mươi-tám tuổi. Làm quan đến hữu-thị-lang (chép theo bia Văn-miếu, *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 11 b, và *Đăng khoa bị khảo* quyển *Kinh-bắc*, tờ 10 b).

2. — Nguyễn-tông-Tây, người xã Thi-hoạch, huyện Thiên-lộc, phủ Đức-quang. Đỗ năm hai-mươi-tám tuổi. « Năm Hồng-đức thứ nhất (1470), ông quyền coi việc phủ Phụng-thiên, cấm nhà bếp các quan lấy không và mua rẻ đồ vật của bình-dân. Dân được nhờ nhiều. Dần dần thăng làm thừa-chánh-sứ. Vả lại ông là người dũng-lực nên kiêm-quản chức đô-lực-sĩ. Thẳng bước đường mây, là người trước nhất ở huyện này » (dịch ở quyển *Đăng khoa bị khảo*, thu tập trung. tờ 1 b).

3 — Phạm-tử-Nghi, người xã Bảo-đà, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên. *Đăng khoa bị khảo* quyển *Sơn-nam*, tờ 14 a, nói có chỗ chép là người xã Thì-trung. Làm quan đến Hình-bộ tả-thị-lang.

4. — Nguyễn-bá-Kỳ, người xã Vân-nội, huyện Chương-đức, phủ Ứng-thiên. Làm quan đến hị-lang. Là em Nguyễn-bá-Ký : huynh đệ đăng khoa (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 12 a)

5 — Chu-Lộc, người xã Phù-vân, huyện Đường-an, phủ Thượng-hồng. Làm quan đến hiến-phó-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển *Hải-dương*, tờ 11b)

6 — Đỗ-bá-Lược, người xã Vĩnh-kỳ, huyện Từ-liêm, phu Quốc-oai. Đỗ năm hai-mươi-tám tuổi. Làm quan đến thừa-chỉ (*Đăng khoa bị khảo*, thu tập thượng, tờ 2 b).

7. — Đào Bảo, người xã Gia-kiều, huyện Phù vân, phủ Thư ờng tín. Làm quan đến thừa-chánh-sứ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 12a.

8 — Phạm bá-Ký người xã Canh-hoạch, huyện Thanh oai phủ Ứng-thiên. Đăng khoa lục (quyển 1, tờ 12a) chép ông làm quan đến Binh-bộ thượng-thư. *Đăng khoa bị khảo* (quyển *Sơn-nam*, tờ 14a) chép là Nguyễn Bá-Ký, làm quan đến Lại-bộ thượng-thư, nhưng cũng chép là người làng Canh-hoạch, chứ không phải làng Vân-nội hay Huân-nội là làng ông Nguyễn Bá-Kỳ và Nguyễn Bá-Ký chép trên kia. Phạm Bá-Ký sinh ra Phạm Đức-Lượng, Đức-Lượng sinh ra Khuông-Lễ : ba đời cùng đỗ.

9. — Trần văn-Thiện, người xã Phủ-lý, huyện Đông-sơn, phủ Thiệu-hóa. Đỗ năm hai mươi sáu tuổi. Có đi sứ. Làm quan đến Hình-bộ thượng-thư (Đăng khoa bị khảo, thu tập hạ, tờ 12a).

10.— Nguyễn-xuân-Dương, người xã Từ-minh, huyện Hoằng-hóa, phủ Hà-trung. Đỗ năm hai-mươi-bốn tuổi. Làm quan đến tri-huyện (*Đăng khoa bị khảo*, thu thập hạ, tờ 28a)

11.— Phạm-Lương, người xã Chi-nê-nội, huyện Tiên-du, phủ Từ-Sơn. Làm quan đến thừa-chánh-sứ. Là viễn tổ Phạm-Trân (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 17b).

12.— Đào tuấn-Khanh, người xã Vũ lăng, huyện Thượng phúc, phủ Thường tín. Làm quan đến thương-thư và thừa tuyên sứ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển *Sơn nam*, tờ 8b).

13.— Nguyễn Tông, người xã Nghĩa lộ, huyện Thanh oai, phủ Ứng thiên Làm quan đến chức phủ doãn Phụng thiên. Sinh ra Nguyễn Vũ và là tằng tổ Nguyễn Thước (*Đăng khoa bị khảo* quyển *Sơn nam* tờ 14a).

14 — Đào văn-Hiền, người xã Yên bồ, huyện Tứ kỳ, phủ Hạ hồng. Vâng mạnh đi sứ. Làm quan đến Hình bộ thượng thư (Đăng khoa luc, quyển 1 tờ 12b *Đăng khoa bị khảo* quyển *Hải dương*, tờ 42b chép là làng Yên phố).

Còn nữa

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

Hộp thơ

Ô. T. H. G., Cần-thơ.— Tiếc rằng bài C. P. P. T. S. V. 8. C. của ông không thể đăng được. Xin lượng thứ.

Đón coi :

Ban-mê-thuột, một thiên lữ-ký của Biệt-Lam Trần Huy-Bá

Cải chính

Tri-Tân số 50. trang 17, cột 2, giòng thứ hai. — Xin chữa lại : «... Truyện Thúy Kiều mà nhớ rằng mình khéo dư nước mắt...

Trang 17, cột 3, giòng thứ hai đến giòng thứ bảy.— Xin chữa lại : «. . Cái điểm cột yếu trong một đời *đại* danh sĩ, thi gia là điều này : thấu triệt, khái quát *và* phân tách tất cả con người vào lúc mà, bởi một sự giúp sức chậm chạp hay dễ *dãi* đôi chút....»

Trang 21, cột 2, giòng 16, Louis, chứ không phải Lous ;

Trang 21, cột 2, giòng 28 : (2).

Trang 21, cột 2, giòng 29 (Juin 1801) ; — Tr. 21,c. 2, gi 31, 1802 chứ không phải là 1805 ; .— Tr. 21, c. 3, gi 2 và 7 *Đương* không phải là Đương ; .— Tr. 21, c. 3, gi 27, *Dật* chứ không phải Đật ;.— Tr. 22, c. 2, gi 41, Long *Nhương* chứ không phải là... *phương*. .— Tr. 23, c. 1, gi 17 thừa 4 chữ « thuộc huyện Hòa-Vinh » .— Cùng cột ấy (10) Tạm Phụ chứ không phải là Tam-Phục. Cột giữ (17) là Bentre chứ không phải Bentré ! Cho (27) là Brosse chứ không phải Brossé.

Phê-bình

«TRIẾT-HỌC BERGSON»

của Lê Chí Thiệp

KIỀU THANH-QUẾ

Xuất thân nơi sân Trình cửa Khổng, đa số nho-sĩ xứ ta ngày xưa và cả chúng ta ngày nay nữa, sẵn có bộ óc thực-nghiệm cố-hữu hồ dễ mấy ai thấu triệt được trong thoáng chốc những thuyết siêu-hình, huyền mặc. Nho-sĩ xứ ta có quan niệm nhị-nguyên (Dualisme) về vũ trụ : thảo nào ta có bao giờ được nghe một cụ đồ nho thi sĩ xứ ta khầu chiếm hay viết nên đôi câu thơ na ná như thế này đâu : «*Vũ trụ với ta là một...*» hay *đời ta như thể chén nước mà vũ trụ là con sông dài ... đem chén nước phả vào con sông ấy, thì dẫu ai có cúi xuống nhìn cũng không tài nào phân biệt được !*»

Phải là một bực thi hào—như thi hào Tagore là cây bút viết ra những giòng sau này chẳng hạn — có quan niệm nhứt-nguyên (monisme) về vũ trụ, mới khả dĩ đi sâu vào được những thuyết siêu hình huyền mặc, vạn vật nhứt thể.

Hiểu được dễ dàng một triết học như triết-học Bergson, một thuyết như thuyết trực-giác của Bergson, hẳn phải là hạng người sau này — hạng người có quan-niệm nhứt nguyên về vũ trụ. Bergson tuy sanh sau Tagore đôi năm, nhưng triết-học Bergson với tư tưởng Tagore vẫn có chỗ dị đồng. Vẽ rõ những chỗ dị-đồng ấy chúng tôi đã có một tác phẩm (quyển *Thi hào Tagore*) sắp xuất bản. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn tỏ rằng hiểu Tagore cũng như hiểu Bergson, không phải là chuyện dễ. Ngay như văn hào André Gide, khi dịch tập *Tặng thần ca* (L'Offrande lyrique) của Tagore cũng phải thú nhận rằng : tôi chỉ nhận thức được *vẻ đẹp* của thơ Tagore thôi, chớ hiểu thơ Tagore vị tất tôi đã hiểu.

Một người bạn của chúng tôi, hồi ở Pháp thi cử-nhân văn chương có viết một bài luận dài về triết học Bergson đối-chiếu với thuyết của Schopenfrauer. Bạn tôi đã đậu cử nhân với bài luận ấy. Thế mà ngày nay, bạn tôi vẫn chịu rằng không hiểu nổi Bergson .

André Gide không hiểu Tagore ! Bạn tôi, sức học cao kiến hơn tôi, không hiểu Bergson ! Thử hỏi tôi làm sao hiểu nổi triết-học Bergson mà hòng nói chuyện với bạn đọc hôm nay ?

Ôi ! chẳng qua là một trò hí ngôn lộng bút đó thôi .

..Tội tôi, nếu không phải vì muốn mạo muội nối đuôi với công việc của tác giả *Triết học Bergson*, thì đáng kết án lắm ! !

Giảng về trực-giác của Bergson, Lê chí Thiệp giản dị và minh bạch lắm. Nhưng ông thiếu những sự đối chiếu (rapprochements), thành thử những lời bàn giải của ông lửng lơ không có căn bản chắc chắn.

Ước gì ông vừa bàn về «trực giác» của Bergson, lại vừa nói chút đỉnh đến «trí lương tri» của Vương Dương Minh» thì hay biết mấy. Chỗ dị-đồng giữa Vương Dương Minh và Bergson, cũng như chỗ dị đồng giữa Bergson và Tagore, chắc hẳn là không phải không có !

«Sau Vương Dương-Minh, như lời ông Aurousseau ở trường Viễn đông Bác cổ Hanoi, bảo nền triết-học nước Tàu như ngọn đèn đã tắt ; ánh sáng còn đâu ?» Tôi chỉ nhớ mà chép đại khái như thế không biết có được đúng không ? Nhưng theo Aurousseau, thì Vương Dương Minh là một triết-học đại gia cần phải nói đến trong bất kỳ trường hợp nào liên hệ đến ông. Tác giả *Triết học Bergson* quên nghĩ đến Vương Dương-Minh ! Tưởng cũng là một điều đáng tiếc !

Phê bình nền triết học nước Tàu, hình như cũng chính ông Aurousseau bảo, trước Vương Dương-Minh còn có Lão tử.

Thế nghĩa là : triết-học Vương Dương Minh với triết học Lão tử vẫn có chỗ dị đồng nhau.

Mà nếu khả dĩ đem đối chiếu triết học Bergson với triết-học Vương Dương-Minh được, sao lại chẳng thể khi nói đến triết-học Bergson nói luôn đến triết học Lão tử ?

Bergson chú trọng *trực giác*, thì Lão tử nói đến *quan năng*.

Lão - tử sanh nhằm một thời đại chưa phát kiến ra khoa-học, chưa có kính hiển vi, gương phóng đại v. v., thảo nào chẳng lấy quan năng làm căn bản cho sự xét đoán : cái gì chẳng thể dùng quan năng mà hiểu được, đều cho là không có!

SẮP IN XONG

CHỮ NHO HỌC LẤY

Cử-nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC soạn

ĐÔNG-TÂY thư quán, 195 hàng Bông Hanoi xuất bản

Mỗi quyển giá 1p00 cước 0p18 —

Các hiệu sách các nơi nên đặt mua từ bây giờ

Triết-học Lão tử, đối với vũ trụ, là một ức thuyết như bao nhiêu ức thuyết khác. Nhưng đã hơn hai ngàn năm nay, khoa học phát đạt cực điểm, mà thiên hạ vẫn chưa ai dám quả quyết bảo triết học Lão tử là một học thuyết xa hẳn thật tế. Vì đối với căn nguyên và sự cấu tạo của vũ trụ, thiên hạ vẫn chưa tìm được cái gì khác khả dĩ gọi là sự thật được !

Triết học Bergson, tuy chỉ chú trọng có trực-giác, vẫn không phải là một học thuyết xa sự thật. Trong bài «Tiểu dẫn», Lê Chí - Thiệp bảo «học thuyết Bergson gần sự thật, sự sống hơn hết» Trong chương thứ hai, tức là chương bàn về Trực-giác pháp, Lê quân lại thuật :

«Trong một cuộc tranh biện về triết học, vì không hiểu cái thâm ý của Bergson, khi ông dùng đến tiếng «trực-giác», nên có người cho rằng triết-học của ông là một triết-học thiên về thần-bí (mysticisme) Ông Bergson trả lời như vầy : «Nếu định nghĩa chữ thần bí là một cách phản động lại với khoa học thực-nghiệm, thì học thuyết của tôi từ đầu chí cuối, chỉ là một sự phản kháng cái thần bí đó, vì *học thuyết tôi cố tìm cách nối lại cái cầu bắc ngang giữa siêu hình học và khoa học*, cầu ấy đã đứt từ đời nhà triết học Kant... Còn nếu định nghĩa chữ thần bí là một cách khêu gợi đến nội-tâm sinh-hoạt thì chẳng những học thuyết của tôi, mà triết học nào cũng là thần bí cả ».

«Không nên lầm tưởng, vẫn lời Lê-quân, rằng trực-giác là một phương pháp dễ dàng, không cần đến sự suy nghĩ sâu xa mệt nhọc của trí não. Trực giác là một phương nhận thức, biệt hẳn ra ngoài lý trí, nhưng không phản trái với lý trí. Thực-tại nào mà trực-giác đã tìm ra cung có thể dùng lý-trí đặng thí nghiệm xem xét lại. Thế thì tiếng « trực giác » đây không phải theo nghĩa thông thường, chỉ một cách ức đoán, một sự cảm giác thuần thuộc về chủ quan, một cai tâm trạng thuộc về tình cảm đâu. Trái lại, *đó là một cách suy nghĩ, một cách chú ý thâm trầm, không thiết đến sự hành - động ở ngoài, bỏ cả những tiếng nói và lý luận thường để mà trực tiếp cảm xúc lấy cái chân tướng.* »

Trực-giác của Bergson là *trực giác suy lý* (intuition discursive). Nó có khác với trực giác của nhà Phật, là *trực giác thần bí* (intuition mystique).

Đức Thích - Ca lúc mới dời bỏ hoàng cung tầm đạo, hiểu lầm rằng muốn được chóng đắc đạo, tất phải khổ hạnh nhiều. Nhưng mãi đến khi hình thể đã suy nhược mà chánh đạo vẫn chưa tìm ra đặng, bấy giờ ngài mới tự nghĩ : tu theo khổ hạnh là lầm lạc ! Đi đến bờ sông Ni-liên (*Nairandlana*) ngài gặp được hai cô bé chăn trâu là Nan Đà và Ba La đem mật và sữa cho ngài dùng. Dùng xong thấy khỏe lại, ngài xuống sông tắm, càng thấy trong người thêm khoan khoái.

Từ đó quyết tâm bỏ điều khổ hạnh vô lối đeo đuổi trong 6 năm lầm lạc, đức Thích-Ca đến ngồi dưới cội Bồ đề ở bãi tha-ma, thám thiền nhập định, giữ lấy « trung đạo » là con đường giữa, không say mê sự đời, dùng *trực - giác* noi đến lẽ nhiệm-mầu của đạo lý. Ngài đắc đạo nhờ trực-giác. Nhưng cái trực-giác của ngài *thần bí* lắm. Mãi đến nay các cao tăng xứ ta vẫn lúng túng *không cắt nghĩa rõ đặng.*

Trái lại, *trực giác suy lý* của Bergson có thể giảng giải hiểu được. « Đứng bên vệ đường, Lê Chí-Thiệp thuật, ngó một cái xe hơi chạy thật mau trên con đường tráng nhựa. Vịn theo hai hàng cây mọc hai bên đường, ta có thể đoán sự mau của cái xe. Biết tốc-độ cái xe như thế là biết theo *cách ngoài*. Còn nếu ngồi trên cái xe hơi đó, ta cũng vịn theo hai hàng cây mà đoán ; nhưng sự hiểu biết của ta bây giờ khác với sự hiểu biết hồi nãy. Ta biết một cách *trực tiếp*, đầy đủ với bao nhiêu là cảm giác ! »

***

Bản thuần về triết học Bergson, quyển sách ra đời mười mấy năm về trước có lẽ hợp thời hơn. Vì bấy giờ, triết học Bergson đang thạnh hành. Chớ bây giờ, triết-học Bergson cơ hồ đã nguội lạnh như đống tro tàn.

Muốn gợi đống tro tàn ấy lại bốc lên thành khói lửa, phải đem đối-chiếu triết học Bergson với một vài học thuyết của Đông phương dị-đồng với nó.

Việc làm của Lê Chí-Thiệp là việc đầu tay. Chả trách nó hơi khô và suông !

Sau Lê quân, học giả nào biên-tập về triết học Bergson nên làm sống triết học ấy thêm một chút. Làm sống bằng những sự đối chiếu mà chúng tôi đã mạo muội trình bày. Đó là còn quên kể sự đem đối chiếu quan niệm về chiêm-bao của Bergson với quan-niệm về chiêm bao của Freud.

KIỀU THANH-QUẾ

Đón xem

Tôn Thọ Tường

một danh-sĩ đất Đồng-Nai
(1825-1877)
KHUÔNG-VIỆT biên soạn
THIẾU-SƠN đề tựa,

« . . . *Một công trình có giá trị*
« *về lịch sử và một tấm gương*
« *tiết tháo để soi chung* ».

Nhà NGUYỄN-KHÁNH-ĐÀM
12, Rue Sabourain, Saigon
phát hành.

THỬ VIẾT

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

VỀ Phật-học, cuốn *Khóa-hư* của vua Trần Thái-Tông (1225-1258) là một tác-phẩm rất có giá-trị. Nó được lưu hành suốt trong Thiền gia từ xưa đến giờ.

Trong tập *Khóa-hư* ấy tác giả ví bốn đoạn trong một đời người ta—sinh lão, bịnh, tử—giống như bốn cái núi: núi thứ nhất là *sinh-tướng*, núi thứ hai là *lão-tướng*, núi thứ ba là *bịnh-tướng*, núi thứ tư là *tử-tướng*. Rồi tác-giả đem bốn cái «núi» ấy của người đời ví với bốn mùa xuân, hạ, thu, đông của Tạo-hóa; Mùa xuân thì sinh ra, mùa hạ thì lớn lên, mùa thu thì thu lại, mùa đông thì cất-giấu, đổi thay luân chuyển, không biết thế nào là cùng.

Bây giờ muốn giữ được bản-tâm, biết được chính-đạo, tranh được cái khổ của tam-đồ (1), khỏi mắc vào cái quáy của lục căn (2) thì người ta phải sám-hối lỗi trước, vo tròn qua sau. Mục-đích sách *khóa-hư* này ra đời là cốt khuyên người ta phải chăm tu sám để mong siêu thăng, khỏi luẩn quẩn trong vòng bốn «núi» ấy.

Tại sao đặt nhan là «*khóa-hư*»?

«*Khóa*» là «công khóa»; «*hư*» là «rỗng sạch». «*Khóa-hư*» nghĩa là là rỗng sạch cõi lòng để tâm tàm niệm niệm nhớ lấy nhưng lời dạy trong công khóa hằng ngày. Ý tác giả cho rằng lòng nên *rỗng sạch* (hư), nhưng thì giờ và công khóa không nên bỏ rông một chút nào. Cho nên, trong kinh *Khoa-hư* khuyên người ta, mỗi ngày đêm, nên định thì giờ mà tham thiền: ban đầu thì chúc hương, khai bạch; thứ đến sám hối, khuyên thỉnh; cuối cùng thì hồi hướng, phát nguyện. Từ sớm đến tối lúc nào cũng ân-cần, chàm chỉ, dốc chí tu-trì, mới mong qua bên mê, vượt biển khổ được.

Cứ như bản *khóa-hư* in mộc bản hồi hạ-tuần tháng 9, năm canh-tí đời Minh mạng (1820-1840), thì nội-dung sách này chia làm ba quyển: thượng, trung, hạ.

Quyển thượng, từ tờ 1-9, nói về «bốn núi», theo sau mỗi «núi» có một bài phát đoan bằng văn biền ngẫu và một bài kệ bằng lối thơ thất ngôn bát cú. Hết «bốn núi», đến bài *phổ thuyết sắc thân*, luận chung về cái thân sắc tướng của người đời chẳng có gì đáng trọng cả; vậy sao người ta không chịu theo gương Tạm Thánh là Khổng, Lão và Thế tôn (Phật) coi nhẹ xác thịt mà trọng lấy cái đạo là phần tinh-thần? Rồi đến bài *Phổ khuyến phát Bồ-đề tâm* là cuối quyển thượng, tác-giả kêu gào mọi người nên mở lòng Bồ-đề, phản chiếu, hồi quay, để được kiến tính, thành Phật. Tức như «chỗ núi xanh thấp thì thấy trời rộng mênh-mông; lúc sen đỏ nở thì ngửi thấy nước thơm ngào ngạt». (*Thanh sơn đê xứ, kiến thiên khoát; hồng ngẫu khai thì, văn thủy hương*).

Quyển trung từ tờ 1-11, bắt đầu bằng bài *Dần thì cảnh sách chúng kệ*, nghĩa là bài kệ từ giờ dần (khoảng 5, 6 giờ sáng) khuyên răn thúc giục mọi người; cuối là bài *thử thì vô thường kệ*, trong nói bây giờ thân nồi người đời đã đến lúc sắp chìm ngập, mặt trời gác núi sắp lặn, không sao tránh khỏi cái cảnh «vô thường» tức là «cái chết» xồng xộc kéo đến! Vậy khuyên người ta nên đi theo đường chính, chớ để lạc vào rừng ta kẻo «khôn dại đều về ba thước đất» không sao hối kịp!

Quyển-hạ từ tờ 1-12, mở đầu bằng bài *Hoàng-hôn khuyến chúng kệ*, tức là bài kệ buổi hoàng-hôn răn mọi người. Cuối-cùng là bài *Khuyến chung kệ*, tác giả có ý dùng làm một thiên kết-thúc. Đại ý: Sinh, lão, bịnh, tử là cái lẽ thường ở đời. Người ta muốn cầu giải-thoát, tháo lạt buộc, cởi giây trói thì phải cầu phép Phật và đạo Thiền. Nếu mê hoặc mà không biết đường cầu thì khác nào con người lấp miệng còn biết nói gì nữa!

Suốt ba quyển trong kinh *Khóa-hư* đại ý tác giả dạy rằng người ta sở dĩ phải mắc trong vòng bốn quả nui «Sinh, Lão, Bịnh, Tử» mà không thoát ra được, là chỉ vì có những cái *nhãn căn*, *nhĩ căn*, *tị căn*, *thiệt căn*, *thân căn* và *ý căn*, tức là sáu căn (lục căn) *mắt*, *tai*, *mũi*, *lưỡi*, *thân* và *ý* đều buông theo đường tà, phạm vào tội ác.

Thật, cái *nhãn căn* chỉ mê về sắc đẹp, tối về tiền tài, không chịu rỏ lấy một giọt nước mắt vì tang tóc hay nỗi đau thương của bà con hoặc người khác! *Nhĩ căn* chỉ ưa lời tà, thích tiếng dâm, vui cùng bạn rượu bè hoa thì-thầm to nhỏ, bịt tai trước những lời trung, hiếu, không thèm nghe việc tốt, điều hay.

Tị-căn không biết yêu mùi chân hương thanh sạch hay quí hương trầm mờ tỏa ở trước phật-đài, song chỉ đánh hơi thịt cá ở cửa hàng, vị tanh hôi ở xó bếp, hám cái mùi lạ hơi kỳ, lăn lóc với phấn hương của hoa đường liễu ngõ, như lợn đầm trong vũng bẩn, chẳng sợ gì dơ dáy thối tha!

Nói đến *thiệt căn*, tác-giả kết tội rằng chỉ vì «ba tấc lưỡi» mà bao nhiêu chúng-sinh bị giết hại! Thường thấy người đời hay lấy nê thết khách-khứa, cưới con cái, rồi tha hồ sát sinh, bừa bãi ăn nống, cười nói hả-hê trước những tiệc-tùng dầu béo mỡ ngấy! Do đó gây ra cái tính hiếu sát làm cho chim, muông, cá mú không được yên vui! Đó chính như câu thơ cổ đã nói:

«*Dục tri thế thượng binh đao kiếp,*
Tu thính đồ môn dạ bán thanh!» (3)

Chẳng những vậy, chính cái lưỡi ấy lại thêu dệt thị phi, mắng chửi càn bậy, gây thành những tội-ác vô lượng, vô biên!

Nhờ tinh cha, huyết mẹ, được thành hình-hài thân-thể, người ta quên đưi thân mình là «pháp thân», lại đi làm những việc càn bậy như *sát* (giết), *đạo* (trộm cướp), *dâm*, phạm vào «tam nghiệp»; đó là tội của *thân căn*.

Phàm những ý xấu như ghen-ghét, bủn-xỉn, tham-lam, giận-dữ đều là những tội của *ý căn* cả. Của-cải như nước non, con cư bóp-nặn bóc-lột người khác; theo lúa đề mục, không chịu cứu giúp người nghèo: đó là *tham nghiệp*. Nổi nóng nói càn, đốt cháy cả rừng «hỏa-khí»; do ý ác phát ra lời ác, làm hao vật, hại người: đó là *xân nghiệp*. Không biết phân-biệt thiện ác, không suy-xét, không nghĩ-ngợi, quên ơn, phụ nghĩa, trái đức, lìa nhân: đó là *xi nghiệp*. Họp những cái *tham*, *xân*, *xi* ấy thành ra những tội về *ý căn*.

Sau khi đã giãi bày cho người ta biết những tội của sáu căn ấy là những cớ xui nên cuộc đời rối loạn và loài người khổ-sở, tác-giả thiết-tha khuyên đời nên hồi tâm hối lỗi, hăng-hái tinh-tiến, mới mong giải-thoát được. Đó là yếu-chỉ của kinh *Khóa-hư*, mà cũng là tôn-chỉ của thiền-tông do vua Trần Thái đề-xướng.

Xét ra: giáo-lý ấy tuy chỉ là những lời tuyên-dương Phật-pháp theo trong kinh tạng của Thiền-gia, nhưng lập ngôn có tôn-chỉ, xếp đặt có thứ-tự, thì dù nói *Khóa-hư* là một tác-phẩm về triết-học của vua Trần-Thái tướng cũng không phải là quá đáng.

Còn về mặt văn-chương, kinh đó tỏ cho ta biết tác-giả viết văn biền ngẫu rất giỏi và làm thơ rất cao, sâu, bóng bẩy. Chẳng hạn như:

«*Oan hạc thôn thanh ư huệ trướng;*
Ai viên trường khiếu ư tùng quan!»

(Khóa-hư, quyển hạ, tờ 5b)

Dịch:

Bên chướng huệ, hơi hạc nghẹn-ngào oan...
Trước cửa thông, tiếng vượn rền rĩ thương!

Và:

«*Ám thôi tân phát bạch!*
Tiêm cải cựu nhan hồng!»

(Khóa-hư, quyển trung, tờ 4 a)

Dịch:

Ngầm giục tóc mới trắng!
Dần khác má xưa hồng!

. . . . . .

«*Bất năng khan nguyệt khởi,*
Dụng ai luyến hoa cư!
Mê thất gia thiên lý,
Do tham thụy nhất dư!
. . . . . .»

(Khóa-hư, quyển hạ, tờ 8b)

Dịch:

Trăng lên, chẳng biết dậy xem,
Còn vương quấn-quít, mải thèm bên hoa!
Dặm nghìn đi lạc quê nhà,
Còn tham một giấc ngủ thừa cho say...

Cứ lệ mấy câu để độc-giả biết sơ cái giá-trị văn-chương của kinh *Khóa-hư*, ấy là chưa kể những câu thơ văn trong kinh đó có cái công-dụng đem những sự-vật cụ-thể mà biểu-diễn được những ý-nghĩa trừu-tượng.

Còn cái nguyên-động-lực đẩy vua Trần Thái viết được kinh *Khóa-hư*, tôi tưởng, một vì cảnh-ngộ trong gia-đình, hai vì hoàn-cảnh trong xã-hội.

Đối với việc Lý Chiêu-hoàng và việc An-sinh-vương Trần Liễu, bản tâm vua Trần Thái chắc không đến nỗi có những hành-vi phụ tình, nhẫn tâm ấy. Ngặt vì quyền-bính bấy giờ vào cả một tay Trần Thủ-Độ, vua Trần Thái không đủ sức giá-ngự nổi, nên bất-đắc-dĩ phải nhắm mắt làm theo ý muốn của ông chú độc-tài. Sau trải qua những phút khủng-hoảng về tinh-thần, nhà vua cảm thấy cuộc đời rỗng không, nên muốn đi tìm lấy nơi tuyệt-đỉnh trong đời lý-tưởng, đời hình-nhi-thượng.

Thêm vào đấy, những hiếu thượng và tập quán của vua nhà Lý — vua nào cũng cho cảnh bỏ mũ miện mà mặc cà sa, lìa long-sàng mà ngồi nệm cỏ là cao quí — vẫn in sâu vào trí-não người đương thời, càng dễ kích-thích tâm lòng mộ đạo của tác-giả Khóa-hư. Vì chịu ảnh-hưởng của xã-hội như thế, vua Trần-Thái rất dễ thành công trong tác-phẩm này. Vậy có thể nói: *Khóa-hư* là con đẻ của thời đại ở cuối Lý đầu Trần.

Muốn biết rõ chỗ cao thâm của vua Trần-Thái, ta phải để tâm suy-nghĩ những lời ngài đáp lại người ta hỏi đạo trong khi ngài nằm trên giường bịnh:

Khi ngài sẽ mình, vua Trần-Thánh (1258-1278) vào thăm, nhân hỏi ngài về đạo Phật;

— «Chân không» với «ngoan không» là đồng hay dị?

Vua Trần Thái nói:

— Tự lòng «mê» hay «ngộ», nên có «chân» và «ngoan» khác nhau; còn hư-không vẫn là một. Ví như cái nhà ở: mở cửa ra thì sáng, đóng cửa lại thì tối. Sáng, tối dẫu có khác nhau, nhưng cái nhà vẫn chỉ là một.

Bữa sau, Đại-Đăng quốc-sư vào vấn an, hỏi ngài:

— Bệ-hạ mắc bịnh đấy ư?

Vua Trần Thái đáp:

— Tấm thân tứ đại (4) vẫn là bịnh rồi, còn cái ấy (chỉ chân tính?) nguyên-lai đối với sinh tử còn chẳng dính-dáng gì đến thay, huống chi là bịnh?

Sau đó vài ngày, ngài lặng-yên không nói, xua mọi người bên tả hữu lui ra, giới-giăng việc nước cho con là vua Trần Thánh-Tông.

Vua Trần Thánh muốn sai hai quốc-sư Phù-Vân và Đại-Đăng vào diễn cái phép xuất thế-gian.

Vua Trần Thái lớn tiếng nói:

— Đến lúc này, bớt đi được mấy tóc nào thì dường như cắt được cái nhọt trên thịt; thêm vào mấy tóc nào thì khác nào rắc bụi vào mắt. Phù-Vân bàn huyền, Đại-Đăng nói điệu, đều là lời thừa cả, có ích gì đâu!

Rồi ngài lim-lịm mà tịch ở Vạn-thọ cung, giữa ngày mồng một, tháng tư năm Bảo-phù thứ năm (1277) đời vua Trần Thánh-Tông, tàng Chiêu-lăng.

Theo như *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, *Trần kỷ*, quyển 5, tờ 35 b đã chép, thì ra vua Trần Thái biết trước được kỳ chết của mình: «Năm trước (1276), một hôm, ngài chợt bảo tả hữu rằng: Tháng tư sang năm (1277), ta tất chết. Đến bây giờ qua đúng».

Có thể kết luận: vua Trần Thái-Tông là bậc anh-quân, tài gồm văn võ, đa giỏi hán-mặc, hay từ-tao, lại hơn người ở chỗ siêu trần, thoát tục, bước cao được đến tận nấc đại-thừa của Thiền-gia. Một tập Khóa hư đủ góp vào văn học giới một áng văn bất-hủ.

(Tham khảo: *Khóa-hư* thượng, trung, hạ, *Thánh đăng ngữ lục*. *Đại Việt sử ký toàn-thư*, quyển 5...)

(xem lời chú ở trang 16)

Nguyễn-vương Ánh ở Phú-Quốc

Trời Phú-quốc « mây lồng man mác »
Biển Tiêm-la sóng bạc trùng trùng
Hoang mang ai vẽ nên lòng ?
« Trời ơi hãm khách anh hùng làm chi ! »
Trải mấy độ gian nguy lưu lạc,
Cảnh hoàng gia tan tác, rơi châu.
Xa lìa kẻ trước người sau,
Nuốt thương ly-biệt, ngậm sầu tử sinh.
Mang quốc-hận, gia-tình: hai mối ;
Lòng nam-nhi một khối kiên trung.
Lẽ đâu đời cứ não lòng ?
Kình ngư ắt phải vẫy vùng biển khơi.
Đành tâm sự một trời đông ám,
Thoáng hình hài đôi đám mây qua.
Mắt sầu trang sóng Tiêm-la,
Mịt mùng nào biết đâu là Bến Yên !
Ngoảnh xem lại khuất miền Đông-phố,
Đoái trông vời dấu Thổ-châu (1) xa.
Trời bao la, biển bao la,
Hải-âu lẫn với sương là là bay :
Cánh hi-vọng hằng say cao cả,
Vụt tung trời, mây lả tả rơi.
Thuyền ngoài mấy lá chơi vơi,
miền khơi, vượt miền khơi muôn trùng.
Gương nhẫn-nại, anh-hùng say mắt,
Mặc sóng xao vây thắt bãi bờ !
Tưởng về Thanh-hóa xa xưa
Tống-sơn (2) miền cũ bây giờ còn ghi.
Nhớ lời bậc tiên-tri thuở nọ,
Trình quốc-sông ban rõ ân-cần :
Nước non bền vững vô ngần.
« Hoành-sơn một dải, dung thân muôn đời (3) »
Khởi vương-nghiệp dưới trời Thuận-hóa
— Hai châu xưa ngang giá Huyền-trân.
Anh hùng kế tiếp cao chân,
Đạp lùi Chân-lạp, xéo tan Chiêm-thành.
Thoạt Thái-tổ kinh kinh Nam tiến,
Gió mùa lên một biển cơ đồ,
Buồm cao kéo tự Tây-đô,
Toán thuyền đi, sóng tung hô lẫy lừng.
Cờ phấp phới tưng bừng vẫy gọi,
Ánh dương xa chói lọi rạt rào.
Sóng thần gục cúi nao nao,
Giơ cao, cờ phất càng cao, uy hùng.
Gót anh dũng trải vùng hoang địa,
Gan xiêu phàm, tráng-sĩ nào xiêu,
Xông pha nắng búa mưa rìu,
Một hiên ngang với một liều gian nguy,
Hoành-sơn đứng dựng bia muôn thuở,
Biển ngàn năm ghi nhớ vết thuyền.
Ngẫm gương tiên tổ di truyền,
Nguyễn-Vương phút bỗng sạch phiền lao lung.
Dương mắt lặng trấn vùng Tiêm-hải,
Hồn quê hương băng mãi non ngàn.
Giang san này vẫn giang san,
Hai trăm năm lẻ bền gan anh hùng.
Cây « Nguyễn » đã vững trồng sâu gốc,
Sá hề chi gió lốc mưa ngâu.
Cơ đồ hứa hẹn nghìn thu,
Xưa đã gây dựng, nay lo bảo toàn.
Nhớ đạo trước thuyền toan ngập sóng.
Bỗng giao-long hùng dũng nhô lên (4) ;
Theo kẽ hộ vệ bình yên,
Lại « dòng nước ngọt », (5) giữa miền biển khơi.
Bước lưu lạc có trời che chở,
Vận hưng-thăng gặp-gỡ còn nhiều,
Trời đông mặc gió đìu hiu,
Lòng nam-nhi vẫn lên diều hây hây.
Cánh hi-vọng hằng say cao cả,
Tưởng tung giời, mây lả-tả rơi,
Trông về lối cũ xa khơi :
Hoành-sơn đứng sững ngang trời dựng bia.
Thời-gian mặc năm chia tháng cách,
Lâu đài dù nát gạch tan rêu
Muôn năm dòng Nguyễn hùng kiêu ;
Khắp Nam-Bang đã cắm nêu Nguyễn-Hoàng.
Xưa đã vững, nay càng thêm vững
Xưa dựng rồi, nay dựng thêm lên.
Cơ đồ khôi phục bình yên
Giang-sơn thống nhất thông liền Bắc Nam »
Được như vậy mới cam hoài bão
Xứng như lời quốc-lão tiền nhân :
Giang-sơn vững chãi vô ngần ;
« Hoành-sơn một dải, dung thân muôn đời ».

PHAN-KHẮC-KHOAN

---

1) Thổ châu — Poulo Panjang.

2) Huyện Tống-sơn thuộc phủ Hà-trung, Thanh-hóa. Nguyễn-Hoàng và Nguyễn-Ánh đều sinh tại làng Gia-miu (bây giờ là Quí-hương) ở huyện ấy.

3) Dịch câu « Hoành-sơn nhất đái, vạn đại dung thân » của ông Trạng-Trình trả lời khi Nguyễn-Hoàng hỏi về vận-mạng mình. Câu dịch ấy chính là câu chúng tôi để ở đầu mai vở kịch dài bằng thơ : « *Nguyễn-Hoàng I Nguyễn-Hoàng II,* » và 2)3 lời (về đoạn sau) trong bài này đều phỏng theo lời trong hai vở kịch ấy.

4) Thực ra thì chỉ là một con cá sấu hiện lên lúc Nguyễn-Vương từ sông ông Đốc định đi ra đảo Thổ-châu, bỗng gặp thuyền Tây-sơn vây đuổi.

5) Một lần đi ra ngoài biển khơi, hết nước uống, Nguyễn-Vương khấn trời, bỗng thấy dòng nước ngọt.

Hữu quân

NGUYỄN VĂN-NHÂN

(1752-1822)

NGUYỄN TRIỆU

Nguyễn Văn-Nhân, (1a) là người huyện Vĩnh-an, (1b) tỉnh An-giang (2).

Năm Giáp-ngọ 1774, vì có anh em Nhạc và Huệ dấy binh ở Tây-sơn, quan *Lưu-Thủ* Long-Hồ là Tống Phúc-Hợp và *cai-bạ* Nguyễn Khoa-Thuyên truyền hịch mộ quân cần-vương (3) để đi dẹp loạn.

Bấy giờ Nhân mới 22 tuổi, bèn ứng mộ ra làm đội-trưởng, suất lĩnh 4 đội tân-binh đóng ở Vân-phong.

Sau Nguyễn Khoa-Thuyên hộ giá chúa Duệ-Tôn 4 vào Gia-định. thì Nhân lại thuộc dưới quyền quan *đốc-chiến* tên là Kiên, theo ra đánh giặc ở hòn Tam-sơn. Rồi ông Kiên bị giặc bắt, Nhân chạy về được, lại theo Tống Phúc-Hòa giữ ở Ô-cam.

Năm Đinh-dậu (1777) chúa Nguyễn-Ánh khởi binh ở Long-xuyên, Nhân lại cùng với quan Điều Khiển Dương Công-Trừng ứng nghĩa ở Sadec.

Năm Mậu-tuất (1778) Nhân được thăng làm Cai-cơ. Đến năm Nhâm-dần 1782 phụng mang ra đóng quân ở Thủ-thiêm, bị quân Tây-sơn vào đánh úp, quân nhà Nguyễn thất-lợi, Dương Công-Trừng bị giặc bắt được. Sau Công-Trừng lại trốn về được, rồi Nhân cùng Trừng đem quân bản bộ vượt bể trốn thì vừa gặp Nguyễn-Tàn, Lê-Thượng ở Xiêm về. Mọi người cùng nhau đưa binh đi Long-xuyên đánh giặc rồi Trừng sai Nhân sang Vọng-các tâu chuyện với Nguyễn-Vương.

Đến khi Nhân về thì Công-Trừng đã bị giặc bắt được, giết rồi, nên Nhân lại ra đảo Giang-khẩm theo Hoàng Tiến-Cảnh.

Mùa thu năm Đinh-mùi 1787 Nguyễn-Vương ở Xiêm về, Nhân lại thuộc dưới quyền Tôn-thất Huy.

Trận thất-lợi ở Ngã Ba Lai (5), Vương sai Nhân lên về Sadec để chiêu-tập những quân cũ, rồi Nhân được thăng chức Cai-cơ thuộc dưới quyền Tôn-thất Hội.

Năm Mậu-thân 1788, sau khi khắc phục Gia-định, Nhân được thăng Vệ-úy, rồi thiên làm Lưu-thủ Trấn-biên (6) kiêm lĩnh chức *Trung quân dinh hữu-chi hiệu-úy*.

Năm Quý-sửu 1793, theo Nguyễn-Vương ra Phú-yên, Nhân men đường bể đánh giặc ở Lai-dương, bắt được thuyền chiến của quân địch rất nhiều, rồi lại rút quân về Phú-yên, đắp thành La-thai, chứa lương-thực để phòng giặc.

Năm Giáp-tý (1794), *Thái úy* Tây-sơn Nguyễn văn-Hưng đến đánh Phú-yên, vì ít quân không địch nổi, nên Nhân phải rút lui. Chợt có chiếu-chỉ tới, sai hộ việc tải lương cho Diên-khánh theo *Đông cung* Cảnh điều-khiển.

Sau quân Tây-sơn lại vây thành Diên-khánh, Nhân ra đóng quân ở Long cương để kháng chiến. Khi đại binh nhà Nguyễn kéo đến thì quân giặc lại phải tự tháo vây mà chạy. Vương lại sai Nhân lĩnh chiến thuyền đi trước cùng với *hữu-quân* Nguyễn văn-Trương ra đánh phá giặc ở cửa bể An-du rồi thừa thắng kéo đến cửa Đại-cổ-lũy mới về.

Năm Ất-mão (1795) quân Tây-Sơn lại kéo đến vây thành Diên-khánh nữa do tướng là Lê-Trung dẫn quân xâm vào Bình-thuận, sau khi đại binh đến cứu thì Vương sai Nhân đóng quân ở Tam-Độc để phòng giặc nên giặc phải bỏ trốn đi.

Vì cớ mệt nhọc lắm, nên Nhân dâng biểu xin nghỉ việc ít lâu. Nguyễn-Vương bèn lại cho làm lưu thủ Trấn-Biên.

Nhân thất học từ thủa bé. Từ năm ngoài 20 tuổi chỉ mải miệt về việc chiến tranh, đến lúc làm lưu thủ đã 50 tuổi, bấy giờ mới kiếm thày về dạy học. Mỗi khi rảnh việc quan thì Nhân lại chuyên tâm vào học tập, nên cũng biết qua loa được ít nhiều về sử sách.

Đến năm kỷ mùi (1799) Vương ra đánh Qui-nhơn, thăng cho Nhân lên Chưởng cơ và sai ở lại giúp Hoàng-tử Hy (7) trấn thủ đất Gia-định và lại dụ rằng : «*Ngươi biết điều gì thì cần phải làm cho hết sức để giúp con ta*». Nhân bái lĩnh lời dụ rồi chuyên việc tuần hành khắp các nơi huyện ấp, khuyên dân cày, cấy nên trong xứ cũng được yên ổn làm ăn.

Năm Canh-thân 1800, trong khi thành Bình-định còn đang bị khốn Vương lại phải đem hết thủy-sư ra cứu thành và Nhân vẫn phải ở lại giúp Đông-cung giữ Gia-định

Sau khi khắc phục Phú-xuân và đã lên ngôi Hoàng-đế, năm Gia-Long nguyên niên, Nhân được thăng làm Chưởng chấn võ-quân quận-công. Cuối năm ấy, bình định xong Bắc-Hà, Nhân dâng sớ tâu xin thi hành 14 điều :

1. *Định lại các thứ thuế,*
2. *Cầu người hiền,*
3. *Lập hương học,*
4. *Cử người hiếu liêm,*
5. *Cải cách phong tục,*
6. *Định phép khoa cử*
7. *Cải cách hình phạt*
8. *Định sắc phục kẻ trên người dưới.*
9. *Đặt phép cho nghiêm việc quan lại.*
10. *Phát trần cho dân nghèo*
11. *Tiêu biểu người trinh tiết,*
12. *Thẩm định phép tắc.*
13. *Lập các nơi đồn trại*
14. *Bỏ những thuế tạp.*

Nhân lại dâng sớ nói rằng : « *Trị nước cốt phải có nhân tài, « hành chính không gì bằng giáo hóa. « Trước kia vận trời biến loạn, người « đất Gia Định phải bỏ việc học hành. « Nay non sông mới xây dựng lại, « bờ cõi thanh bình thì chính là lúc « phải nên giậy cho dân học. Vậy xin « đặt ra phép giậy, mỗi làng phải « chọn lấy một người có đức hạnh « văn học, tha hẳn cho dao dịch để « cho giậy giỗ con em trong làng.*

« *Cấm hẳn không cho rượu chè, « cờ bạc, hát xướng. hễ phạm các « điều ấy, các quan sở-tại phải trừng « trị. Như vậy thì rồi tất sẽ gây « nên được nhiều nhân tài ra giúp « nước và cũng không phụ lòng giáo « hóa của Thánh-Thượng*».

Đức Gia-Long xem thấy khen cho là phải.

Năm mậu-thìn (1808) niên hiệu Gia-Long thứ 7, đức Cao-Hoàng đổi tên trấn Gia-Định lại là thành Gia-Định, với Trung-quân Nguyễn Văn-Trương về kinh và sai Nhân vào thay làm Tổng-trấn, lĩnh cả hai trấn Bình-Thuận và Hà-Tiên.

Cách mấy năm sau là năm nhâm-thân (1812) quân Xiêm sang xâm lấn thành La-Bích nước Châu-Lạp. Vua Châu-Lạp là Nặc-ông-Chân đem cả thê-nhi sang cầu cứu vua nước Nam. Nhân lại phải sai quan trấn thủ đồn Châu-đốc là Nguyễn văn-Thụy đem quân đưa Nặc-Chân về Gia-Định rồi liền phải tâu việc ấy ra triều đình Huế.

Đến năm sau là năm quý-dậu (1813) Đức Gia-Long triệu Nhân về kinh và sai *Tả-quân* Lê văn-Duyệt vào thay.

Sang đến năm Giáp-tuất (1814) Nhân thăng lên chức Chưởng-hữu-cơ kiêm thự Trung-quân ấn-vụ.

Đến năm Kỷ-mão (1819), Nhân lại phụng mạng vào làm Tổng-trấn Gia-Định thay cho Nguyễn Hoàng-Đức tạ thế.

Cũng năm ấy, đức Gia-Long thăng hà, đức Minh-Mạng lên kế-vị, Nhân dâng sớ xin về viếng tang thì Tân quân cho về.

Sau khi ra tới Huế, đức Minh-Mạng cho triệu vào ra mắt, Hoàng-đế cho ngồi và an ủi hỏi lâu thì vừa lúc có Thái trưởng Công chúa là Ngọc-Du xin vua lập đàn làm chay để cúng. Đức Minh-Mạng bèn hỏi Nhân rằng : « *Xưa đức « Tiên đế cư tang bà Hiếu-Khương « hoàng-hậu, cũng có làm chay, phép « làm con thờ cha mẹ thà rằng lỗi « vì trung hậu, ý ngươi nghĩ thế nào ?* »

Nhân tâu rằng : « *Đức Tiên đế sở « dĩ phải lập đàn làm chay là vì « phải chiều theo ý bình sinh của « Thái-hậu chứ không có phải là tin « về đường họa phúc. Nay bệ hạ mới « lên nối ngôi, cốt phải nên đoán « theo lễ nghĩa. đừng để cho nhầm « lỗi việc gì mà khiến cho kẻ dưới « có thể nghị luận được, hà tất việc « gì cũng cứ phải theo thói cũ mới « là hiếu hay sao ? Nếu Công chúa « muốn làm chay thì xin cứ cấp tiền « nhu phí mà để mặc Công chúa là hơn !* » Hoàng-đế nghe lời, bèn cấp tiền cho Công-chúa để thiết đàn làm chay ở chùa Thiên Mụ cúng ba tuần 21 ngày. Ngài lại hỏi Nhân rằng : « *Sao người Gia Định vốn sợ « Lê văn-Duyệt mà vẫn không hết « trộm cướp, hay là chúng đói rét « quá mà làm càn như vậy ?* » *Nhân tâu rằng : « Đất Gia Định xưa kia « lắm nơi rừng rậm, nên trộm cướp « sẵn nơi ẩn nấp, huống chi dân đói « bình nhật không biết dành dụm dè « xẻn mà mưu sinh, ngoài giống ngũ « cốc ra thì không còn biết giồng « giọt gì hơn nữa, nên gặp năm đói « kém thì lại càng dễ sinh ra tà tâm. « Thần xưa đã làm tổng-trấn mấy « lần và cũng đã lắm phen trừng-trị « những quân ấy mà vẫn không làm « sao cho hết được !* »

Năm nhâm-ngọ, 1822, niên - hiệu Minh-mạng thứ 3, Nhân mất, thọ 70 tuổi, được truy - tặng Thái - bảo Quận-công.

Đức Minh-Mạng phán với Trịnh-hoài-Đức rằng : « *Nhân là bực « Huân-cựu đại-thần, trung thành « cần hậu, chẳng may mất đi, trẫm rất cảm thương*». Hoàng-đế lại nói rằng : « *Nhân bình sinh tiết-kiệm, « nay điếu-tế, Trẫm muốn dùng cách phong-hậu* ». Ngài bèn cho xuất tiền kho để tiêu vào các việc điếu tế.

Đến hôm sắp cất đám về Gia Định, đức Vua ngự ra tận nhà ban cho một tuần rượu và cho một trăm lính đội Hữu-sai đi hộ-tang ; đến sau lại cho tòng tự vào miếu Trung-Hưng công thần và Thái-Miếu, truy phong là *Kinh-Môn quận-công*.

NGUYỄN TRIỆU

1a) Phỏng theo Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập quyển 7 tờ đầu và Bulletin société Amis Vieux Huế 1914 p. 143.

1b) Nay là Sadec, Nam-kỳ.

2) Xưa là đồn Chaudoc thuộc trấn Vĩnh-thanh, sau phân ra tỉnh An-Giang, tức là Chandoc ngày nay.

3) Cần vương là đi đánh giặc giúp vua.

4) Duê - Tôn tức là Đinh-Vương Nguyễn Phúc-Thuần (1754-1777).

5) Ngã Ba-Lai thuộc về hạt Sadec (Nam-kỳ)

6) Biên-hoà bây giờ

7) Em ruột Đông-cung Cảnh.

Việt-nam văn-học sử

Tiếp theo trang 13

1. « Tam-đồ » nghĩa là ba đường : đường địa-ngục, đường ngã-quỉ, đường súc-sinh. Kinh Phật có nói : « Địa-ngục gọi là đường lửa, ngã-quỉ gọi là đường dao, súc-sinh gọi là đường huyết ».

2. « Lục căn » nghĩa là sáu căn : căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, căn thân, căn ý. Vì nhà Phật cho rằng mắt là gốc sự thấy, tai là gốc sự nghe, mũi là gốc sự ngửi, lưỡi là gốc mùi-vị, thân là gốc rờ-mó, ý là gốc nghĩ-ngợi. Đoạn dưới bài này có cắt nghĩa rõ về « sáu cái gốc » đó.

3. Muốn biết cái kiếp binh đao thường diễn ở trên đời ra sao, thì cứ nửa đêm, đến bên cửa nhà đồ-tể, nghe tiếng sát sinh khắc rõ.

4. Nhà Phật cho địa, thủy, hỏa, phong là « tứ-đại » (bốn nguyên-tố). Thân người ta là do bốn nguyên-tố ấy hợp lại mà thành ra.

Văn-hành công-khí

Chung-quanh câu chuyện:

BÀI THƠ' «PHỖNG ĐÁ»

VIỆT-THƯỜNG

Về bài thơ « Phỗng đá », bạn Nguyễn Phường, ở Tri-Tân số 51 trước, trang 21, lại có mấy lời nói thêm rằng, theo chỗ bạn đã nghe được thì câu cuối bài ấy là « Bề cạn non mòn có biết không ? » Nếu câu đó quả đúng là nguyên - văn của tác - giả bài thơ « Phỗng đá », thì nó cũng là một tài - liệu giúp thêm nảy chút tia sáng « chân - lý » trong cuộc tranh-luận giữa bạn N. P. và ông Việt - Thường, tác - giả bài dưới đây.

Dầu sao, Tri - Tân cũng lấy công - tâm mà đăng nguyên - văn bài ông Việt-Thường để mong cuộc luận - văn này họa may đi được đến chỗ kết - quả đẹp : Tìm thấy sự thực, T. T.

MỘT cái đanh, đóng sâu, lâu năm trong một bức tường kiên - cố ; thẳng tay rút cái đanh ấy, tránh sao khỏi làm nứt lở bức tường ! Bài thơ « Ông phỗng đá », đã bao lâu ai ai đều cho là của Tam-Nguyên Nguyễn - Khuyến, đột-nhiên công-bố : bài thơ ấy không phải của Tam-Nguyên mà chính của một nhà thơ khác, đánh tác-phẩm ấy để hoàn lại tác - giả chính-thức của nó, nhất là đánh thơ của một thi - sĩ đại - danh, người làm công việc ấy, khác nào như tay không rút cái đanh kia. Trong văn giới sao tránh khỏi những tiếng vang, tiếng vang êm-đềm và... rầm-rộ ! Cuộc biện-luận đương khởi đầu trong một bầu không-khí ôn-hòa tao nhã giữa ông Tiên-Đàm và tôi, bỗng xen vào tiếng ồn-ào của một người, đã vô ý hay dụng tâm, vượt qua phận-sự của một nhà bình-luận. Nhưng thiết tưởng mỗi người có mỗi khí-chất, có quyền hiểu sự-vật theo quan niệm riêng của mình, ta không thể bắt ai ai cũng phải suy-tưởng như ta. Duy người này có thể có một quan-niệm đúng, người kia có một quan-niệm sai. Ai đã vì quan-niệm sai, lạc vào một hành-không phải, người ấy tự chuốc lấy lỗi, và chính người ấy nhầm, (*Il est impossible... qu'il se conforme à la manière de voir, mais bien à la sienne, de sorte que s'il agit mal, c'est lui qui se fait tort, lui qui est dans l'erreur.* — *Epictète*).

Nghĩ thế, nên tôi vẫn bình-tĩnh trả lời ông Nguyễn-Phường, tác-giả bài : « *Bàn thêm với ông Việt-Thường về bài thơ Phỗng đá* », đăng trong Tri-Tân, số 47. Và, trước khi bàn cùng ông N. P., tôi hãy thành - thật ngỏ cùng ông rằng ; chúng ta chỉ tìm lẽ phải, tìm ai là tác giả bài thơ « Ông phỗng đá », còn ông cũng như tôi, không ai đòi riêng cho mình bài thơ ấy, vả về phần tôi nếu sau này cuộc tranh-luận vạn nhất làm nẩy ra đủ bằng-cứ để giữ lại bài thơ ấy cho Tam-Nguyên, tôi cũng vui lòng. Nếu lên câu chuyện trên, không phải tôi chủ tâm lập-dị, mà bởi trong cuộc khảo-cứu, sau khi cân nhắc mọi lẽ, so-sánh nhiều tài liệu thiết-thực, tôi tin rằng bài thơ kia chính của thi-sĩ Tam-Xuyên.

Để ông N. P. hiểu cho như thế, giờ tôi hãy trả lời cùng ông, từng đoạn một cho minh-bạch :

1) Nhắc lại câu : « . . . nên nhân lúc quan khách lần lượt làm thơ mừng chủ nhân, đến lượt Nguyễn. Khuyến, thi-sĩ ngâm ngay bài thơ : « Ông đứng làm chi đó hỡi ông ? »..., trích trong bài : « Tam-Nguyên hay Tam-Xuyên ? », đăng trong Tri-Tân, số 42 ; ông N. P. nói rằng tôi không nhận kỹ bài của ông Tiên-Đàm : « *Một đằng thì ông T. Đ. thuật rằng cụ Tam-Nguyên nhân ngày thường ngồi nhân trong nhà học có tức cảnh ngâm thơ « Phỗng đá » còn một đằng thì ông V. T. lại thuật là ông T. Đ. bảo cụ Tam-Nguyên nhân bị người soi mói mà ngâm thơ « Phỗng đá » để chúc thọ* ».

Dưới mắt tôi, còn số Tri-Tân, trong có bài của ông T. Đ. viết « *Đến lượt cụ Tam-Nguyên, cũng là chỗ tình thân chả nhẽ ngồi im, cụ cũng nói : — Chúng tôi ngồi dạy học ở dinh cụ lớn đây, nay gặp tiệc thọ, cũng được lạm dự vào hàng quan khách, nhưng chưa nghĩ được câu nào mừng cụ lớn, nhân ngày thường ngồi trong nhà học, thấy cảnh hòn sơn ở trước, trên núi có ông phỗng đá, có mạn phép cụ lớn ngâm bài thơ sau này : « Ông đứng làm chi đó hỡi ông ?... »*

Rõ như ban ngày ? Cụ Nguyễn Khuyến tuy làm bài thơ ấy trước ngày mừng thọ, nhưng — theo-

Ông T. Đ. — cụ đã *ngâm* bài ấy về dịp mừng thọ. Tôi cũng viết : Tam-Nguyên ngâm bài thơ ấy *về dịp* chứ không phải *để chúc thọ*. Tuy nhiên ông T. Đ nhắc : « .. *nhưng chưa nghĩ được câu nào mừng cụ lớn, nhân ngày..., có mạn phép cụ lớn ngâm bài thơ sau đây...* » Vậy hiển nhiên rằng cụ Tam-Nguyên vì chưa nghĩ được bài thơ mới mừng chủ-nhân nên phải ngâm một bài làm sẵn để thay bài mừng, và lấy bài ấy làm đầu để một bài hát.

Tôi không rõ ông N. P. hiểu bài của ông T. Đ. cách nào mà hạ bút viết rằng tôi đã nhầm vì không nhận kỹ... và « *đặt trên cái nhầm đó một ngụy biện để cãi rằng thơ « Phỗng đá » là không phải thơ chúc thọ* ».

Cho rằng theo ý ông T. Đ., trong khi ngâm bài thơ tứ tuyệt đó, cụ Tam-Nguyên không muốn là một bài thơ chúc thọ thời ít nhất — theo ông T. Đ. đã thuật — bài ấy cũng là một bài thơ cụ Tam-Nguyên đã *ngâm để dịp* mừng thọ. Điều ấy không ai chối cãi được. Và lấy lẽ phải mà xét : « Nếu quả thật cụ Tam-Nguyên nhắc lại một bài thơ ngắn để làm một bài hát nói, tất nhiên bài thơ ấy cũng phải liên-can mật-thiết đến bài hát nói. Nhưng, một đường bài thơ ngắn ấy ngụ ý chế riễu ông phỗng đá, một đường bài hát nói ngụ ý tâng bốc ông phỗng, ta không thể tin được rằng thi-sĩ Tam-Nguyên lấy một bài « ngược » để làm một bài « xuôi ». Nếu chuyện ấy có thể có được thời ta có thể nói : Giết một con gà để nấu một nồi cháo vịt ?

2) Ông N. P. viết : «.. *ông V. T. lại nêu lên rằng : một ông đồ ngồi dạy học không có bao giờ lại « đối » chọi với gia-chủ. Thế thì ông lại cũng nhầm ? Những chuyện các ông đồ, ngồi dạy học ở các nhà quyền quí, trong khoảng ba mươi năm trước đây, thường hay tỏ ý rẻ-bỉu gia chủ không phải là hiếm gì ?* » Bằng vào đâu, ông N. P. bảo rằng tôi nói như thế ? Nếu ông N. P. chịu khó đọc lại bài của tôi, ông sẽ thấy rõ ràng đoạn sau này : « Ta hãy xét : không bao giờ, một ông đồ dạy học trong nhà một người nào, riêng đối với ông không có hiềm-thù gì bỗng-nhiên vì một lời nói mỉa của một khách quan, ông đồ ấy làm ngay một bài thơ phúng-thích « đốt » lại chủ nhà... » Thế là tôi muốn nói ; nếu giữa ông đồ và chủ nhà không có một làn không khí bất hòa thời không bao giờ ông đồ ấy nói mỉa chủ nhà. Huống chi về chuyện này chính một người khách trong nhà làm mếch lòng Tam-Nguyên chứ nào có phải chủ nhà. Đã thế thời không thể nào, vô cớ, Tam-Nguyên ngâm bài thơ « đốt » lại chủ nhà. Và, nếu thật quả Tam-Nguyên đọc bài thơ ấy trước mặt chủ nhà, một quan Kinh-Lược đương ngồi trong một bữa tiệc đông đúc bao quan khách, tất nhiên cụ Tam-Nguyên phải bị xách tay mời ra khỏi cửa và nếu quan Kinh-Lược kia là một nhà quân tử trọng nhân-tài thời câu chuyện đến do ít ra nó cũng phải trở ra một đường khác chứ không thể nào cứ xuôi mãi được, và nghe xong bài thơ ấy, « *quan Kinh-Lược vốn thích nôm, ưng ngay* ».

Còn lấy ông phỗng đá để mỉa mai chủ nhà, rồi lại lấy ông phỗng đá để hình dung mình, tự tâng-bốc mình, thời thử hỏi ai có thể tin là một câu chuyện đứng vững được không ?

Ông N. P. nói : Cụ Tam-Nguyên hay «chọc-hặc» với gia-chủ, điều ấy ai bảo là không thể có ? Nhưng dù Tam-Nguyên vốn có tính hay «chọc hặc» với ai đi nữa, về dịp mừng thọ này, ta không thể tin được rằng : một người khách làm mếch lòng cụ, cụ lại làm mếch lòng chủ nhà. Tin thế cũng như tin rằng ; Anh Ất đánh anh Giáp, anh Giáp phát khùng, đánh ngay anh Bính, một anh chàng vô can, tỷ như — xin phép độc-giả cho tôi dùng câu ngạn ngữ mộc-mạc này, mộc mạc nhưng rất đúng, câu : «Giận cá băm thớt». Ta không thể vu-cáo cho Tam-Nguyên, buộc cho Tam-Nguyên cái lỗi vô nghĩa lý ấy được.

3) Trong bài ; «Tam-Nguyên hay Tam-Xuyên», tôi nói hai nhà thơ ấy làm hai bài thơ vịnh phỗng đá, ý tứ khác nhau, rồi tôi lại nhắc câu ; «Cao-minh chi sĩ, ý kiến lược đồng. » Nói như thế, ông N. P. cho rằng tôi nhầm « *dùng hai thuyết tương phản trong một bài* » Nhưng nếu ông N. P. hiểu thấu bài của tôi thời sẽ nhận ra rằng : nếu Tam-nguyên, Tam-Xuyên khác nhau vì một nhà làm thơ để chế giễu đời, một nhà làm thơ để tự tâng bốc mình, thời hai nhà thơ cũng lấy một đầu đề để làm thơ. Vịnh « Phỗng đá » Tam-Nguyên làm bài hát nói, còn Tam-Xuyên làm bài tứ tuyệt. Cũng hai nhà thơ ấy đều lấy một đầu đề : «Không chồng trông bông lông » để làm mỗi nhà một bài thất ngôn bát cú Tam-Nguyên, Tam-Xuyên đã gặp nhau ở đó. Mỗi người miêu tả một cách, nhưng ai cũng cùng một ý muốn : tả một cảnh-vật. Vì chuyện gặp nhau đó nên mới xảy ra chuyện thơ ông này lầm ra thơ ông kia.

4) Ông N. P. nói bài thơ tứ tuyệt vịnh « ông phỗng đá » chép trong « Tam-Xuyên thi-tập » kém bài thơ tứ-tuyệt chép trong « Quốc-văn trích-diễm». Cái đó tùy ông N. P. Ông có đủ quyền khen chê theo ý riêng của ông những ý-kiến của ông về những đoạn sau này không đúng ;

a) «Giữ-gìn» và «Coi sóc», ông N P. cho rằng «Coi sóc» mới đúng còn « giữ-gìn » sai. Sao thế? Ông N P. chỉ viện lẽ ngắn ngủi : *« Xin tế nhân sẽ thấy.* » Thấy cái gì? thấy thế nào? Tôi, thì tôi cho rằng : «coi-sóc» cũng có nghĩa mà «giữ-gìn» cũng có nghĩa. Duy «coi-sóc » có một nghĩa nhẹ là coi trong ngó ngoài qua loa thế thôi, còn «giữ gìn» có nghĩa : ông phỗng đá, một mình đứng trên non, nước, phải đảm-nhận cái trách - nhiệm nặng nề là giữ-gìn cả một giang sơn. Dùng hai chữ «giữ - gìn, tác-giả muốn buộc cho phỗng đá, một gánh nặng để tăng cái tội của ông là tội đứng trơ trơ ra như đá, chẳng làm được công cán gì. Hai chữ «giữ-gìn», thật là sát nghĩa trong câu thơ : *Giữ-gìn non nước cho ai đó?*

b) «Thay đổi», theo ông N P. không có nghĩa. Ông viết : *«Có ai thay đổi hòn non bộ bao giờ?».* Thế ông N P. há chẳng biết rằng trong cái bể cạn có nước, và nước ấy cần phải thay luôn sao? Vả lại các cụ xưa chơi non bộ lắp đi lắp lại cho khéo là cái lẽ thường. Lại còn khi thay cái núi này đổi lấy cái núi khác cũng không lấy gì làm lạ.

Ông N. P. còn viết : *« Nước trong bể non bộ chỉ có thể vơi đầy được thôi, còn non thì bao giờ cũng vẫn là non. Đây là cụ Tam Nguyên chỉ chú ý đến «nước» mà nói phớt qua về «non».*

Tôi hãy nghĩ theo với ông N. P. mà cho rằng cụ Tam-Nguyên chỉ chú ý về «nước» mà nói phớt qua về «non». Nhưng nếu thật cụ Tam-Nguyên dụng tâm thế và quả thật cụ làm câu thơ ấy, cụ phạm một lỗi, lỗi viết sai. Dù ai có lấy tài ngụy biện đến đâu cũng không thể nói được câu : *« Nước non vơi đầy...»* là đúng được! Vì nếu chỉ nói về «nước» và cho nước vơi đầy, thời quảng chữ «non» đi đâu? Nói thế cũng như nói : « Tôi ăn cơm, nước » và theo ông N. P. mà biện luận rằng : tôi chỉ chú ý nói «tôi ăn cơm» thôi, còn tôi nói phớt qua về «nước» dù rằng theo tiếng An-nam, tôi chỉ *ăn cơm*, còn *nước*, tôi phải *uống*!

c) Ông N. P. biện thuyết : *« .. ông V T. bẻ chữ «đấy» và chữ «đó» tiếp nghĩa, và chẽ là «vụng». Cứ theo luân-thuyết của ông, trong một bài tứ tuyệt có hai chữ điệp là vụng, thế thì trong một câu thất ngôn, có hai chữ trùng như câu nhất có hai chữ «ông» thì còn vụng đến đâu?* Chết nỗi ông N.P. không để ý cho rằng dùng chữ trùng nhau có hai cách, một cách, tác giả chủ tâm, một cách vô ý. Ai chẳng biết rằng câu : *« Ông đứng làm chi đó hỡi ông?»* có hai chữ «ông». Tác giả chủ tâm dùng hai chữ điệp để cho câu thơ thêm đậm đà thấm thía, cũng như câu : *«Chiều chiều lại nhớ chiều chiều»*, có bốn chữ trùng nhau chứ không phải chỉ có hai chữ. Sở dĩ tôi nói dùng trong bài tứ tuyệt kia, một chữ «đấy» và một chữ « đó » là vụng bởi vì tác giả vô ý dùng hai hữ điệp nghĩa! Vì vô ý nên bài thơ có chỗ vụng. Dụng tâm với vô ý khác nhau là thế!

d) Ông N. P. cãi : *«... đã là ông phỗng đá thì việc đời còn biết tý gì nữa. Nếu hỏi thay đổi bao giờ có biết không?» tức là cho rằng ông phỗng đá vẫn biết có sự thay đổi rồi, duy chỉ còn hỏi ông :» thay đổi bao giờ «thôi.»*

Nếu nói thế là đúng thời ta cũng theo ông N P. mà luận lý ; *« Đêm ngày coi sóc cho ai đó? »* tức là cho rằng ông phỗng đá vẫn biết công việc của ông là phải coi sóc, chỉ còn hỏi ông : *« coi sóc cho ai đó»* thôi!

Cứ theo lối luận lý ấy của ông N P., ta có thể nói đến bao giờ cũng không hết chuyện.

Đến đây cũng tạm hết những điều cần phải trả lời cùng ông N P. chỉ còn phần kết luận bài này nữa thôi. Nhưng kết luận một bài biện thuyết, tôi không muốn dùng những lời nói «mát» như ông N. P. đã kết luận bài của ông. thể dùng những lời đau đớn hơn như Tùy Viên trong câu chuyện: « Lý-Hương Quân tiến một quyển thi sách», nói tức Dương Lạp bỏ từ đầu bài đến cuối còn chưa hả giận, kết luận bài, Tùy Viên còn thêm : «... Song e bác vì lòng yêu danh quá nồng nàn, nhân chuyện nhỏ đó, nhận làm điều đai ô nhục. Một mai đọc Dịch đến quẻ Quán có câu : «Quán nữ trinh» sanh lòng hổ thẹn mà tự giết mình thì bản sách « Tử Bất Ngữ» của tôi không, chỉ trái với thánh nhân, mà kết cục đến giết chết một vị hiền giả, thì lòng ta không sao tự an ủi được . . .

Nhắc lại thế không phải tôi ám chỉ một ai. Không! Nhắc lại để tỏ cho độc giả biết rằng ai cũng có thể nói tức người được, và để độc giả thấu rằng tôi không ưa kiểu châm-biếm ác nghiệt ấy thái-độ ấy, dù của một nhà văn học trứ danh như Tùy-Viên tiên sinh, cũng chẳng đáng theo.

Và, xong cuộc tranh-biện, quang bút xuống bàn, thưa ông Nguyễn Phường, chúng ta hãy thân mật bắt tay nhau, dù chỉ bằng tưởng tượng.

Việt-Thường

Sầm - sơn, 7 juin 1942

Thời-đàm

HIỆP-ƯỚC LIÊN-MINH QUÂN-SỰ ANH-NGA

NHẬT-NHAM

NGÀY 26 Mai vừa rồi, Ngoại tướng Nga Molotov đã sang Luân-đôn, bí-mật ký với Anh một bản hiệp-ước liên-minh quân-sự.

Hiệp-ước Anh — Nga đối với hiện-tình chiến-sự có một tính cách rất quan-trọng không thể không bàn đến.

Căn-cứ vào nhời tuyên-bố chung của Tổng-thống Hoa-kỳ Roosevelt và Thủ-tướng Anh Churchill từ ngày 14 Aout 1941, hiệp-ước 26 Mai 1942 mệnh danh là : « Hiệp-ước liên-minh quân-sự giữa Nga-sô-viết, Anh-cát-lợi và đảo Irlande để chống lại nước Đức và đồng-minh Đức ở Âu-châu ».

Hiệp-ước có tất cả tám khoản, đại-lược như sau này :

Khoản I. — *Theo cuộc liên-minh giữa Anh—Nga, hai bên cam-đoan tương-trợ về mặt quân-sự để chống nhau với Đức-quốc và các nước khác đương dự chiến cạnh Quốc-trưởng Hitler trên đất Âu-châu.*

« Khoản II. — *Hai bên ký hiệp-ước cam đoan không điều-đình riêng với Chính-phủ của Quốc-trưởng Hitler hay bất cứ một Chính-phủ nào khác của nước Đức trước khi Chính-phủ ấy chịu rời mục-đích khiêu-khích một cách rõ ràng. Hai bên ký hiệp-ước tình-nguyện không được tự-tiện đình chiến hay ký riêng hòa ước với Đức hay đồng-minh của Đức đã dự vào cuộc Âu-chiến, trừ khi nào hai bên đều thỏa thuận không kể.*

Khoản III. — 1.) *Hai bên ký hiệp-ước sẽ tuyên-bố ý muốn kết-liên với các nước khác, để cùng các nước ấy nghiên-cứu và thực hành các điều-kiện có thể chống lại những sự khiêu khích trong thời kỳ sau chiến-tranh, mục-đích để duy-trì cuộc hòa-bình.*

2.) *Trong khi chờ thực hành các điều-kiện ấy, một khi cuộc chiến-tranh kết-liễu, hai bên ký hiệp-ước sẽ dùng các phương-pháp trong phạm vi thế lực của mình để ngăn-ngừa một cuộc chiến-tranh khác có thể xảy ra hay một cuộc phá hủy hòa-ước do Đức hay đồng-minh Đức gây nên.*

Khoản IV. — *Sau khi kết-liễu cuộc chiến-tranh hiện-thời, nếu một nước trong hai bên ký hiệp-ước bị nước Đức hay đồng-minh Đức đánh thì bên kia sẽ giúp ngay về mặt quân sự theo lực-lượng mình.*

Khoản này có công-hiệu cho đến khi hai bên công nhận đã thực hành những điều-kiện dự trong khoản III, tiết 1.

« *Một khi chưa thực hành các điều kiện ấy, khoản này sẽ công hành trong một thời hạn 20 năm và cho đến khi một bên xin bãi đi, theo khoản thứ VII.*

«Khoản V. — *Sau khi phục-hưng được nền hòa-bình, hai bên ký hiệp-ước sẽ hợp-tác chặt-chẽ và thân-mật để tổ-chức lại cuộc thịnh-trị và vãn hồi nền kinh-tế Âu-châu. Trong khi tiến hành công việc, hai bên sẽ chú-ý đến quyền-lợi các nước đồng-minh và theo đuổi hai chí hướng sau này :*

« *a) Không tìm cách mở-mang địa thế cho nước mình ;*

« *b) Không tham dự vào nội-chính các nước khác.*

Khoản VI. — *Sau khi bãi chiến, hai bên sẽ tương-trợ về mặt kinh-tế.*

Khoản VII. — *Hai bên cam-đoan không dự vào một cuộc liên-minh nào để chống lại bên kia.*

Khoản VIII. — *Hiệp-ước sẽ được hai Chính-phủ duyệt-y trong một thời gian rất chóng và sẽ thay hiệp-ước Mạc-tư-khoa ký ngày 16 juillet 1941. Hai khoản đầu sẽ công hành cho đến khi thắng được nước Đức. Các khoản khác bắt-buộc phải thi hành trong 20 năm và lâu hơn nữa, trừ khi một bên ngỏ ý muốn hủy các khoản ấy, sau khi bá-cáo cho bên kia biết trước 12 tháng ».*

∴

Trên là 8 khoản hiệp-ước liên minh quân-sự Anh—Nga ký ngày 26 Mai 1942, sau một cuộc hội-đàm tại Luân-đôn giữa đại-biểu hai nước : một bên có Ngoại-tướng Molotov, ông Maisky, Đại-tướng Issaiv và Đô-đốc Varlanov và một bên gồm có các ông Chur

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN
195, phố hàng Bông Hanoi

Đã có bán

Mẹo chữ Hán

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem

Giá 0$35 cước 0$06

Gửi bằng tem (cò) cũng được. Không gửi lối lĩnh hóa giao ngân

chill, Attlee, Eden, các vị Tổng-tư-lệnh hải, lục, không - quân Anh.

Các giới ngoại - giao thế-giới đều ngạc-nhiên không thấy đại-biểu Hoa-kỳ dự cuộc hội-nghị Luân-đôn này Tuy Hoa-kỳ đồng ý với Anh—Nga về các khoản hiệp-ước, nhưng không ký hiệp-ước cùng với Anh—Nga. Hình như Hoa-kỳ không muốn gán số phận mình cho Nga-sô-viết, vả nhiều giới bên Hoa-kỳ từng phen đã phải miễn-cưỡng nhận cuộc liên-minh Hoa-kỳ với Chính-phủ Mạc-tư-khoa, nên Chính-phủ Hoa-kỳ chắc cũng không muốn có cuộc hợp-tác chặt-chẽ hơn với nước Nga đỏ.

Một điều đáng chú-ý là nước Anh từ chính-thể đến phong-tục đều khác hẳn nước Nga, thế mà đứng trước tình-thế, Anh phải bó-buộc thắt chặt giải đồng tâm với dân Sô-viết, sao khỏi làm cho dân chúng Anh phải bối-rối lo ngại ! Nước Anh, không cứ về một nhẽ gì, dần dần trở nên tòng phạm của Cộng-sản, dần dần bớt ngần ngại trong cuộc xô-đẩy các nước Âu-châu vào vòng Cộng-sản. Một chứng cớ là điều khoản thứ 5 trong hiệp-ước dự định ủy thác cho Nga việc tổ-chức cuộc thịnh-trị và phục hưng nền kinh tế Âu-châu.

Ngoài ra, các nước đồng-minh cam-đoan không tham - dự vào nội-chính các nước khác. Ai cũng biết đó là chính-sách thông thường của đệ-tam quốc-tế. Các điều-khoản về sau khi bãi chiến, ngoài thì đội lốt tính-cách bênh vực quyền lợi các nước đồng-minh, mà trong thì rất chú-trọng đến việc đặt toàn - thể. Âu-châu dưới quyền đô-hộ Anh-Nga, cải-tạo Âu-châu thành một đại đế-quốc Nga, vì trước cuộc toàn-thắng của quân đội Nga, người Anh sẽ không đủ lực-lượng để ngăn-cản sức bành trướng của quân Sô - viết là một dân - tộc không cần trọng chữ ký và các hiệp-ước.

Hình như các đại-biểu Anh cũng đã nghĩ đến điều đó, nên vấn-đề đất-đai đều gác ra ngoài hiệp-ước. Chính-phủ Luân - đôn thấy số phận các miền Nga chiếm được từ trước khi khởi cuộc chiến tranh Nga-Đức, không được vững-vàng, nên không dám hứa hẹn gì với Nga, mà trái lại có ý đợi kết-liễu cuộc chiến - tranh, mới sẽ cùng các nước bạn đem các vấn đề ấy ra bàn tại hội-nghị hòa-ước.

Nga cũng vui lòng gác lại vấn-đề đất-đai, vì điều cốt yếu là trong lúc Đức đương tấn công rất mãnh-liệt trên đất Nga, Nga cần yêu-cầu Anh mở ngay một chiến-tuyến thứ hai tại Âu-châu trong năm 1942 để chia lực-lượng quân địch và vãn - hồi tình - thế quân Đỏ.

Vì vậy, trong cuộc hội - nghị Luân - đôn, các đại biểu Anh-Nga đã công nhận cần phải mở ngay một chiến - tuyến thứ hai trên đất Âu-châu trong năm 1942 và đã đồng ý thực hành những phương-pháp mới về việc vận-tải chiến - cụ từ Anh sang giúp Nga.

Nhân đó, cuộc hợp tác Anh-Nga càng thêm chặt chẽ, vì hai bên đã hiểu nhau một cách sáng suốt, đã biết đến những chỗ yếu-điểm của nhau. Chẳng thế mà trong bài diễn văn bế - mạc hội-nghị Luân-đôn, ông Eden, ngoại giao tổng trưởng Anh, không thể che nổi vẻ sung sướng được ngoại tướng Nga Molotov hiểu lòng mình, công nhiên tỏ lòng biết ơn bạn «Tử-Kỳ» với câu kết đầy lòng tự-phụ : « Tương lai nhân loại một phần to chịu ảnh-hưởng của sự hợp-tác giữa Nga, Hoa-kỳ và Anh.»

Họa theo nhịp đàn « Bá-Nha» của Anh, «Tử-Kỳ» Molotov nối lời : « Thực vậy, hiệp-ước Anh-Nga không những cần cho hai nước ta, mà lại còn quan-hệ đến tất cả dân - tộc các nước khác nữa. »

Quan-hệ hay không, là ở chỗ nhời nói của hai đại-cường-quốc có đi đôi với việc làm hay không.

Vì từ ý-định đến thực - hành, đường xa muôn dặm..., cần phải vượt qua...

NHẬT-NHAM

HÀNG MAY ÁO DI MƯA

Bằng lụa hoặc vải rất đẹp, nhẹ, bền, không ngấm nước, ra nắng to, vào nước sôi cùng ét sáng đều không chẩy, không bao giờ dính quần áo.

Có đủ các màu — Giá rất rẻ
do ETABLISSEMENT B T M chế tạo
Cần đại lý khắp mọi nơi
Viết thư về bureau de l'Établissement thương lượng cùng M. BÙI TÙNG-MẬU.
N. 36, Rue du Charbon Hanoi

TIỂU THUYẾT DÀI

TRÚC MAI XUM-HỌP

Số 1 của CHU-THIÊN

PHẦN THỨ NHẤT

I

QUAN Nguyên Thượng-Thư Phan công Độ, bị gian thần Nguyễn-Bái vu-tấu là âm mưu thông với lũ giặc ở Kinh-Bắc phải bắt đóng gông giải về kinh. Cái biệt thự ngay-ngắn lặng lẽ ở Phố Hiến phút chốc đã tan-tành sơ-sác. Bao nhiêu tài sản đều phó về công khố. Phan phu nhân và gia tỉ là Tiểu-Lan, trong lúc hoảng sợ, vội chạy thoát lấy thân, thẳng đường chốn sang Kinh-Bắc vào chú ngụ ở nhà ngoại-gia. Bên ngoại-gia này những người thân-thiết của phu nhân, cha mẹ anh em, đều đã qua khuất cả, chỉ còn một lũ cháu đã trưởng thành. Thấy bà cô đến chơi một cách đột ngột và có vẻ hớt hải sợ sệt lũ cháu bèn ân cần gặng hỏi. Phan phu-nhân liền cứ thực tình thuật mọi việc sẩy ra. Lũ cháu thấy vậy sợ liên-lụy đến mình, không muốn cho phu-nhân ở lại liền làm một bữa tiệc rất to đủ cao lương, mỹ vị để khoản đãi phu-nhân, rồi cùng nhau nói với phu-nhân rằng :

— Thưa cô, quan Thượng-thư, tự nhiên bị nghiêm-trị như vậy, chắc là tội trạng to lắm. Bấy giờ phép nước tôn nghiêm, kẻ làm dân phải giữ mồm như giữ bình, mới mong khỏi cháy thành vạ lây. Nay quan nhà bị nạn, cô chạy về đây với các cháu Đang lẽ chúng cháu phải hết sức hầu hạ cô và tìm cách cứu gỡ cho quan nhà mới phải đạo. Nhưng lúc này gian ngay khó tỏ, và tội đồng loã rất khó biện-minh, nếu không khéo, thì cả giòng giõi nhà ta sẽ không còn một mống...

Người ấy ngừng lại để cho người khác nói tiếp, một cách thong thả và thiết thực hơn :

— Vậy chúng cháu xin cô hãy tạm đi ở nơi khác. Như thế vừa khỏi lộ tung tích và tránh được cái vạ chu giệt cho giòng nhà ta. Trong thiên hạ không thiếu gì nơi yên thân, chắc cô cũng nhận rõ nơi khổ-tâm của các cháu mà tha cái tội bất nghĩa tầy-đình ấy, cô ở chỗ nào yên chốn, các cháu sẽ tìm đến nơi thông tin tức cho cô và nếu cần đến, các cháu sẽ giúp thêm vào để cô được đủ ăn đủ mặc...

Người ấy ngừng nói, cả bọn đều chăm chăm đợi bà cô giả nhời ra sao. Im lặng, ngẫm-nghĩ một lát, Phan phu-nhân biết rõ lòng bụng các cháu liền gượng cười đáp :

— Được các con nghĩ thế cũng phải. Để mẹ con ta lại đi nơi khác vậy. Thôi đã chẳng ở được đây thì ta sắp sửa đi đi, Tiểu-Lan.

Phan phu-nhân với Tiểu-Lan liền ra đi ngay. Đương lúc đau khổ vì gia-đình tan-nát lại gặp nhân tình nhút nhát, lãnh đạm với mình, đột nhiên, phu-nhân quên hết cả nỗi buồn rầu, trong lòng càng thêm phấn-khởi mà mạnh bạo bước chân lên đường Phu-nhân đi, cứ đi mãi», đi liền Bà chán cả tình thân thuộc, không buồn nghĩ nhớ đến ai nữa. Chiều hôm ấy, hai mẹ con phu-nhân ghé vào nghỉ chân ở một quán trọ bên ngã tư đường.

Phan phu-nhân vừa cùng Tiểu-Lan vào quán thì ở ngoài, liền lúc ấy cũng có hai người đàn ông tiến vào. Chủ quán không kịp đáp lời phu-nhân hỏi, thoáng thấy hai người vội chạy ra vái chào :

— Bẩm lạy hai bậc đàn anh ạ !

Hai người kia hơi cúi đầu chào lại :

— Phải chào bác, ! Dạo này có đông khách không ?

Chủ-quán lễ phép đáp ;

— Bẩm đàn anh, nhờ giời, nhờ Tổ, hàng cũng đông đông ạ. Xin rước hai bậc đàn anh an-tọa.

Hai người liền ngồi xuống, ấy là hai người đàn ông lực lưỡng da ngăm đen, đầu cạo chọc. hai mắt dữ tợn, trông ra vẻ quân gian phi hung-ác bất lương. Chủ quán vội hỏi :

— Bẩm đàn anh dùng gì ?

Chúng không giả nhời bốn mắt còn mải đổ dồn về nơi Phan phu-nhân và Tiểu-Lan. Chúng đưa mắt cho nhau' như bàn định cái gì và ra chiều đắc ý lắm. Chủ quán hỏi lại lần thứ hai, một tên mới quay lại, không đáp, hỏi sang chuyện khác :

— Con bé ở đâu đến thế ?

— Bẩm đàn anh, nhà cháu cũng không rõ .

— Hai mẹ con đàn bà thế kia chắc là dễ bảo.

Chủ quán cười đáp một cách ranh mãnh ;

— Bẩm vâng, đàn anh được vừa ý, xin thưởng nhiều cho nhà cháu nhé ;

— Ừ, rõ thật nhiều. Giờ hãy mang hai bình rượu ra đây. Và cho cô em ăn cơm đi đã. Họ ăn cơm chưa?

— Dạ để nhà cháu hỏi xem.

Chủ quán gọi mang rượu ra cho hai tên kia, rồi lại gần Phan phu-nhân cung-kính hỏi :

— Ba với cô em dùng thức gì xin bảo để nhà hàng sửa soạn.

Phu-nhân đáp ,

— Mẹ con tôi ăn cơm thường thôi. Ông dọn ra rồi tính bao nhiêu thì tính.

Chủ quán đi vào sắp thức ăn. Một lúc sau, hai tên kia đã uống rượu, cười nói huyên-thiên. Phu nhân và Tiểu-Lan cũng đang ăn cơm. Hai tên dần dần ngồi gần lại nơi phu-nhân và gợi truyện :

— Cụ đi chơi đâu vậy ?

Phan phu-nhân phải lễ phép đáp ,

— Bẩm các ông, tôi sang chơi bên Phượng nhỡn.

— Cụ ở đâu ta?

Phu-nhân phải nói dối sợ lộ tung tích :

— Bẩm tôi ở bên Đông-ngạn này

— Cô em là con cụ hay cháu cụ thế?

Biết ý chúng chực chêu ghẹo Tiểu-Lan, phu-nhân nói :

— Nó là con tôi đấy.

— Cô em bao nhiêu tuổi rồi?

Phu-nhân nói rút tuổi đi :

— Nó mới mười lăm còn bé dại lắm, nên đi đâu cũng cứ theo đi

Một tên ha-hả cười nói tiếp :

— Bé! Lại còn bé, giá lấy chồng đã mấy con rồi đấy!

Tên kia cướp lời :

— Bé thì bé, cụ gả cô ấy cho tôi nhé, về với tôi là cô ấy nhớn phồng ngay lên đấy.

Phan phu-nhân chửa kịp nói ra sao, thì một tên đứng lên lại ngồi sát ngay bên Tiểu-Lan và nhăn nhở nói :

— Nhỉ cô em nhỉ, cô em bằng lòng lấy tôi nhé. Lấy tôi sướng lắm kia.

Tiểu-Lan vội vàng chạy lại ngồi ghé sát bên Phan phu-nhân. Phu nhân tức giận nói gắt :

— Các ông không được hỗn láo vô-lễ như vậy. Động đến con tôi thì một sống một chết!

Một tên sỗ sàng đứng lên sấn lại trước mặt phu-nhân và cười hô hố nói :

— Thế thì cụ chết để cô em sống với chúng tôi nhé.

Tên kia nói tiếp :

— Ừ phải đấy; một sống một chết mà!

Nói rồi, hai đứa ham-hở chực cướp lấy Tiểu-Lan, Phan phu-nhân đứng phắt giậy giơ ngang hai tay cố cản lại và nói cứng rằng :

— Đồ vũ-phu, chớ có cậy sức làm càn, mẹ con ta chịu chết chứ không khi nào chịu nhục;

Tiểu-Lan đứng nép vào bên phu nhân, thấy thế núng cũng liều hung-hăng luôn mồm chửi rủa. Hai đứa kia biết hai mẹ con Tiểu Lan không tài nào thoát khỏi bàn tay chúng, nên đều đứng yên khi khi cười tựa như con mèo vờn vuốt ve con chuột trước khi vồ chết. Chúng chưa kịp nói gì cả, thì ở ngoài đã có tiếng người quát từ sân vào :

— Quân kia không được cậy sức khỏe mà bắt nạt đàn bà con gái. Đồ hèn mạt,

Hai đứa vội quay cổ ra xem. Thì một người đàn ông, chạc ngoại ba mươi phương phi tuấn tú, đã sầm sầm cầm kiếm bước vào. Ý chừng thấy một người không đủ sức đối địch với chúng, nên chúng lại ngoảnh ngay cổ lại sấn vào gạt Phan phu-nhân ra và nắm chặt lấy hai tay Tiểu-Lan. Tiểu-Lan rẫy rụa kêu thét lên rằng :

— Ối các ông ơi! ối làng nước ôi! Nó giết tôi!

Phan phu-nhân cũng vội kêu cầu cứu, người đàn ông kia vội vàng chạy lại nơi, cầm đốc kiếm nện mạnh vào lưng hai đứa và quát :

— Chúng mày muốn mất mạng, à?

Hai đứa vội bỏ Tiểu-Lan ra quay lại;

— Việc gì đến mày? Mày muốn chết phải không?

Người đàn ông kia không nói gì cả, múa kiếm gạt hai tên kia ra đến cửa, dồn chúng vào ngưỡng, rồi túm từng tên một quẳng ra sân, nhanh nhẹn như ta tung con mèo vậy, rồi nghiêm-nghị nói :

— Việc gì à? Việc gì đấy! Cậy khỏe, hiếp chóc đàn bà con gái dễ người ta để yên cho à?

Người kia quay vào tươi tắn nói với Phan phu-nhân và Tiểu-Lan rằng :

— Cụ và cô đã dùng cơm xong chửa?

Phu-nhân lễ-phép nói :

— Dạ, thưa tráng sĩ, mẹ con tôi đã ăn cơm xong rồi. May nhờ tráng-sĩ ra tay tế-độ cứu mẹ con tôi, không thì đến chết về hai đứa cường đạo ấy. Ơn tái-tạo ấy chúng tôi xin đời đời ghi nhớ...

Nói vậy, nhưng phu-nhân vẫn sợ-sệt nhìn ra ngoài sân, trong khi người đàn ông kia nói :

— Bẩm có gì mà ơn với huệ, bổn phận những người lương-thiện gặp sự bất bình của đồng loại là phải ra tay giúp đỡ, cụ và cô đi chơi đâu vậy, mà lại vào nghỉ ở đây?

— Thưa tráng-sĩ, mẹ con tôi từ Đông-ngạn sang đây để về Phượng-nhỡn, mỏi chân nên vào đây nghỉ, ăn quà rồi lại đi.

— Từ đây về Phượng-nhỡn còn xa đến tối không kịp mất. Nhưng quanh-quẩn ở đây cũng không tiện. Bọn cường đạo chúng nó lại dình mò hãm-hại chăng. Vậy nghỉ chân rồi, cụ và cô nên ra đi ngay thì hơn. Rồi tối đâu, ta tìm vào nhà tử-tế mà nghỉ nhờ.

— Vâng, thưa tráng-sĩ, mẹ con tôi cũng nghĩ vậy, nhưng chẳng may khi vào đây lại gặp ngay hai tên kia, không ra kịp, thì lại may gặp tráng-sĩ.

— Thôi, thế thì đi mau đi, tôi cũng đi về mạn ấy.

— Bẩm tráng-sĩ không uống rượu à?

— Không ạ, tôi thấy trong quán ồn-ào nên vào đây thôi ạ. Nhà hàng ra mà lấy tiền đi này.

Chủ quán lễ phép đi ra tính tiền Người đàn ông kia nghiêm nghị bảo :

— Tội anh đáng chết. Giữa ban ngày mà anh dung túng cho bọn đầu trộm đuôi cướp làm càn ở trong quán anh. Bận sau mà còn thế nữa thì coi lưỡi kiếm này, nghe không?

Chủ quán khép-nép sợ sệt thưa :

— Bẩm vâng ạ. Bẩm con sợ bọn chúng qúa, nên không dám can ngăn nói năng gì cả.

— Thế sao không hô-hoán cho dân - gian, mọi người biết.

— Bẩm lậy tráng-sĩ. Để im cho chúng muốn làm gì thì làm thì còn được yên thân, yên cửa yên nhà. Chứ kêu lên, cũng chẳng ai dám chạy đến cứu, mà chúng còn đánh cho ốm - âm và phá phách tan hoang cả nhà cửa.

Còn nữa

CHU-THIÊN

QUỐC-HỌC THƯ'-XÃ

Đã phát hành

THI-THỌAI

Một kho tài-liệu vô giá của các nhà thơ, các nhà yêu thơ, các học-giả nghiên-cứu thi-học, văn-học

Giấy non 300 trang giá 2p00
Giấy bouffant và giấy lệnh thượng hạng
mỗi thứ còn hai bộ giá 4p00

Thư và ngân phiếu đề

M. LÊ VĂN-HÒE giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ, *16bis Tiên Tsin* **HANOI**

SÁCH CỦA NHẬT-NHAM

Trịnh - Như - Tấu :

1 — Hưng yên địa chí Op.80
2 — Bắc giang địa chí 1.50
3 — Trịnh gia chính phả 0.40

Đều có bán tại Đông Tây thư quán
195 Phố Hàng Bông — Hanoi

CHÚ Ý

Các bạn mua báo và các đại-lý nhớ gửi tiền về trả cho, đa tạ. *Tri-Tân*

Các bạn cầu may !

bỏ 1 đồng mua vé số

Đông-Pháp

biết đâu không trúng số độc đắc 10 vạn

Mới xuất bản :

DANH NHÂN VIỆT-NAM

của PHAN TRẦN-CHÚC

Trong tủ sách Tao Đàn

Nhà TÂN-DÂN xuất bản

Toàn bộ 4 quyển, mới ra quyển 1
Mỗi quyển bản thường : 0$70
Bản đặc biệt giấy lụa dó : 4$00

Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước mỗi quyển là 0p,30. Không gửi lĩnh hóa giao ngân. Mandat đề tên ông VŨ ĐÌNH-LONG 93, Rue du Coton — Hanoi

Đã có bán

Bút Nghiên

của

CHU-THIÊN

Tất cả mọi khung cảnh của trường học cổ, mọi phong tục, mọi hoài-vọng của xã hội nhà nho, với những biến-cải ở tâm trạng người xưa trong đời đi học, từ khi « vỡ lòng » đến khi đỗ đạt, qua các kỳ thi Hạch, thi Hương, thi Hội, thi Đình, đều được ghi chép lại rất công-phu, rất cặn kẽ, rất tỉ-mỉ và rất lý-thú, để đánh dấu lấy một thời đại long trọng của ngày xưa mà nay không bao giờ còn có nữa.

Dày 400 trang, giá 2$00

Mua một quyển gửi tiền về trước. thêm 0p.60 tiền cước.

HÀN THUYÊN XUẤT BẢN CỤC
71 phố Tiên Tsin Hanoi

Directeur: Nguyễn Tường-Phượng Administrateur-Gérant : Dương Tự-Quán
Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi